

Địa chỉ: Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu

Số điện thoại: (064) 3921 999

Số fax: (064) 3921 966

Website: www.dpmp.vn

Mã cổ phiếu : PMP

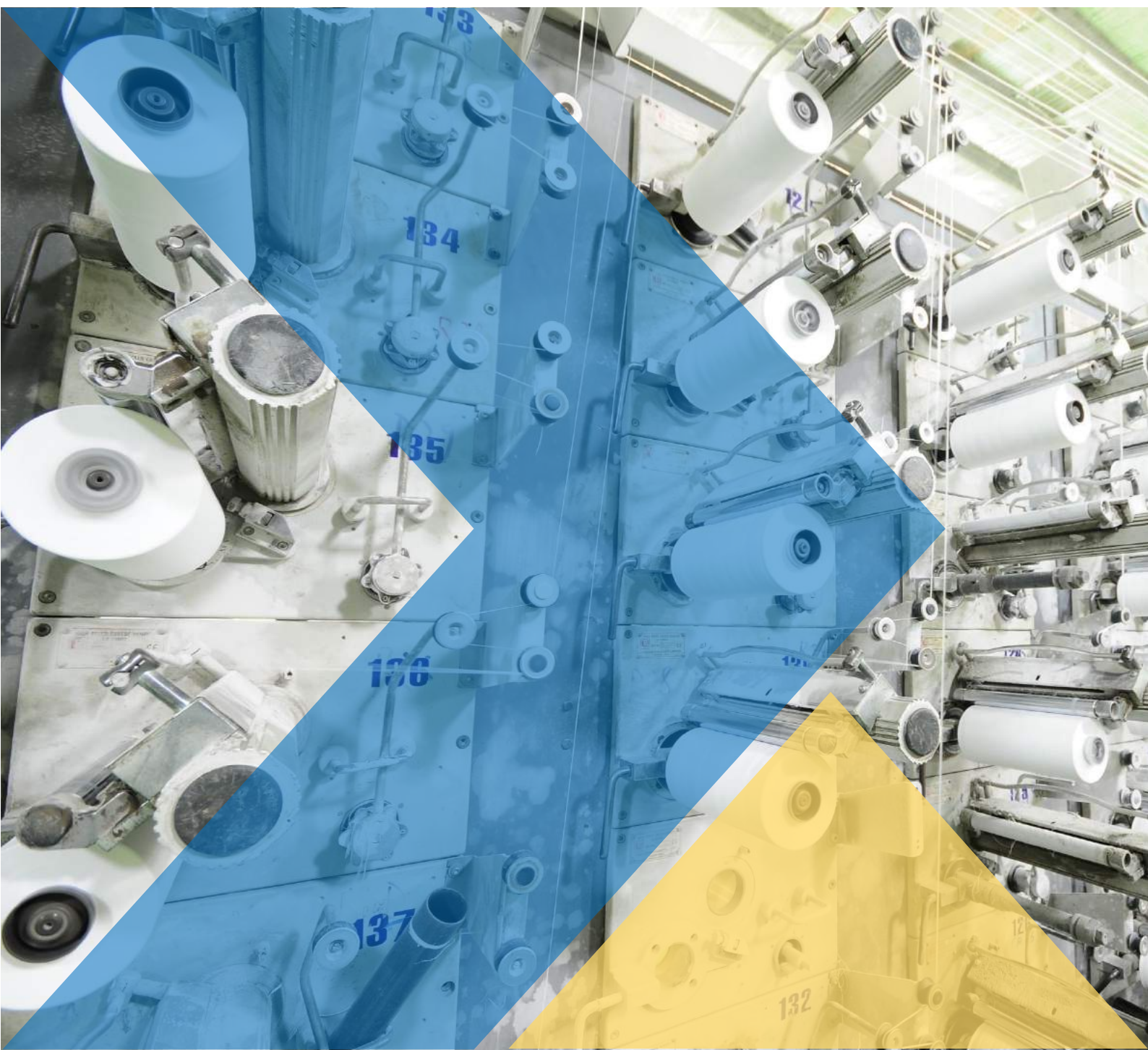


CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015



01

Giới thiệu Công ty

02

Thông tin chung



03 Quá trình hình thành và phát triển

05 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

07 Các sản phẩm chủ yếu của Công ty

13 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

19 Định hướng phát triển

23 Các rủi ro

26

Tình hình hoạt động trong năm



27 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

31 Tổ chức và nhân sự

45 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

47 Tình hình tài chính

49 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

51 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

54

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc



55 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

57 Tình hình tài chính

61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

63 Kế hoạch phát triển trong tương lai

65 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

71

Đánh giá của Hội đồng quản trị



73 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

76 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

76 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

80

Quản trị Công ty



79 Hội đồng quản trị

85 Ban kiểm soát

90 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

91 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

92 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

93 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

98

Báo cáo tài chính



97 Ý kiến kiểm toán

98 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015



Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500874315 (số cũ: 4503000320) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014
- Vốn điều lệ: 42.000.000.000 đồng
- Vốn góp chủ sở hữu: 62.881.559.864 đồng
- Địa chỉ: Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số điện thoại: (064) 3921 999
- Số fax: (064) 3921 966
- Website: www.dpmp.vn
- Mã cổ phiếu: PMP



Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các sản phẩm chủ yếu của Công ty

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Các thành tích của Công ty



Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 15/12/2003, Khởi công xây dựng Nhà máy Bao bì Hương Phong

2003

Ngày 01/10/2004, Nhà máy Bao bì Hương Phong chính thức đi vào hoạt động

2004

- Ngày 17/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Ngày 19/05/2008, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2008

Các chứng chỉ



Ngày 20/10/2010:
Khởi công xây dựng
nhà xưởng số 2

Ngày 22/09/2015: Cổ
phiếu PMP chính thức
niêm yết trên sàn HNX

2010

2015

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

- Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;
- Mua bán nhiên liệu động cơ;
- Vận tải bằng ô tô;
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
- Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;
- Cho thuê kho bãi;
- In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...



Địa bàn kinh doanh

Cung cấp cho các đơn vị trong nước và xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài như sau:

- Bao PP chứa phân bón/nông sản: cung cấp cho các đơn vị sản xuất phân bón, hóa chất, lương thực, nông sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản như: Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Nhà Máy Đạm Phú Mỹ, Công ty TNHH Bao CP Việt Nam, phân phối lại cho các nhà cung cấp bao bì khác ở nước ngoài,....
- Bao xi măng PP/PK và KPK: cung cấp cho các đơn vị sản xuất xi măng trong nước như: FiCO, Nghi Sơn, Cẩm Phả, Thăng Long, Lafarge, Hạ Long,....
- Bao Jumbo: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu: (i) ở trong nước hiện tại Công ty đang cung cấp cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty phân bón Baconco, các Công ty sản xuất mùn cưa, Công ty Than khoáng sản, PV Coating,.... (ii) thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ukraina, Malaysia.
- Các loại bao bì PP, cuộn vải dệt PP dạng ống, dạng manh, bao Jumbo đang xuất khẩu sang thị trường: Chi Lê, Brasil, Mỹ, Costa Rica, Pháp, Bồ Đào Nha, Ukraina, Indonesia, Malaysia, Thái Lan,...



Các sản phẩm chủ yếu của Công ty

Bao bì PP dệt là loại bao bì được ứng dụng để đóng gói sản phẩm, với mức độ chịu lực tốt cũng như tiết kiệm hiệu quả.

**Bao bì
PP Dệt**



Bao bì Jumbo

Bao Jumbo (FIBC) là một loại bao chứa, có kích thước lớn để đựng và vận chuyển nhiều loại sản phẩm khác nhau dưới dạng hạt, bột.



Bao BOPP được sản xuất bằng công nghệ mới mà chủ yếu là sự phát triển của ngành in ấn bao bì, là một bao bì PP dệt và có tráng một lớp màng Bi-Oriented Poly Propylene.

**Bao bì
BOPP**



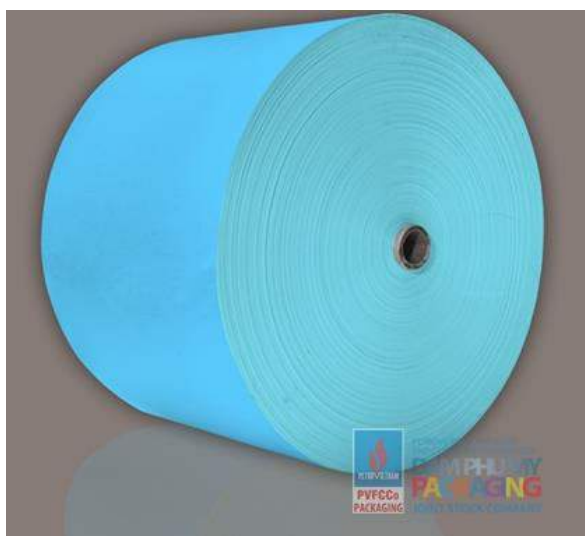
Túi xách siêu thị

Túi xách siêu thị (túi đựng sang trọng) có thể được sản xuất từ vải polypropylene dệt hoặc không dệt vật liệu với ngược in BOPP. Những chiếc túi được sản xuất và in theo thiết kế của bạn.



Được ứng dụng trong các nhà máy bao (tự cắt, may thành phẩm tùy theo lựa chọn kích thước của Khách hàng) hoặc được dùng để làm nguyên liệu bọc thép, tôn...

Vải PP Dệt



Bao PP nhiều lớp

Bao tráng ghép được phân làm 3 loại như sau:

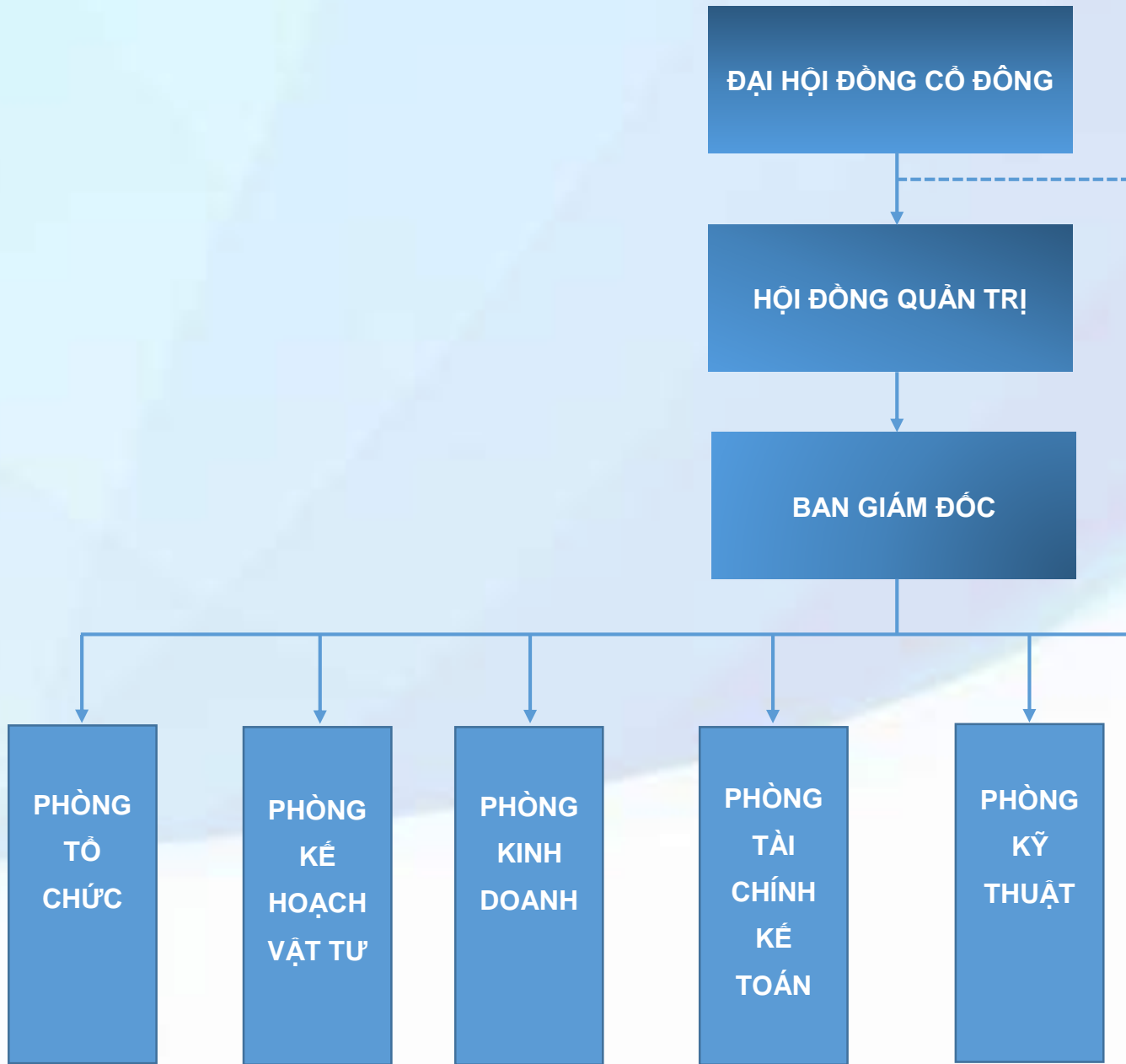
- Bao PP dệt có tráng một lớp PP (PPW);
- Bao PP dệt có tráng một lớp giấy Kraft (PK);
- Bao PP dệt có tráng một lớp giấy Kraft và lồng một lớp giấy Kraft bên trong (KPK);

Đối với từng nhu cầu sử dụng, dòng bao này có thể có van, hoặc không có van; có gấp hoặc không có gấp hông.



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BAN KIỂM SOÁT

PHÂN
XƯỞNG
CƠ
ĐIỆN

PHÂN
XƯỞNG
TẠO SỢI

PHÂN
XƯỞNG
SẢN
PHẨM

2015





**Khách hàng CP Group - Thái Lan
tham quan Nhà máy**

**Hội thảo xây dựng chiến lược
phát triển Công ty**





Đại hội đồng cổ đông lần đầu của CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ



Đại hội Đảng tổ chức tại Công ty năm 2015



Lễ bàn giao CTCP Bao bì Hương Phong

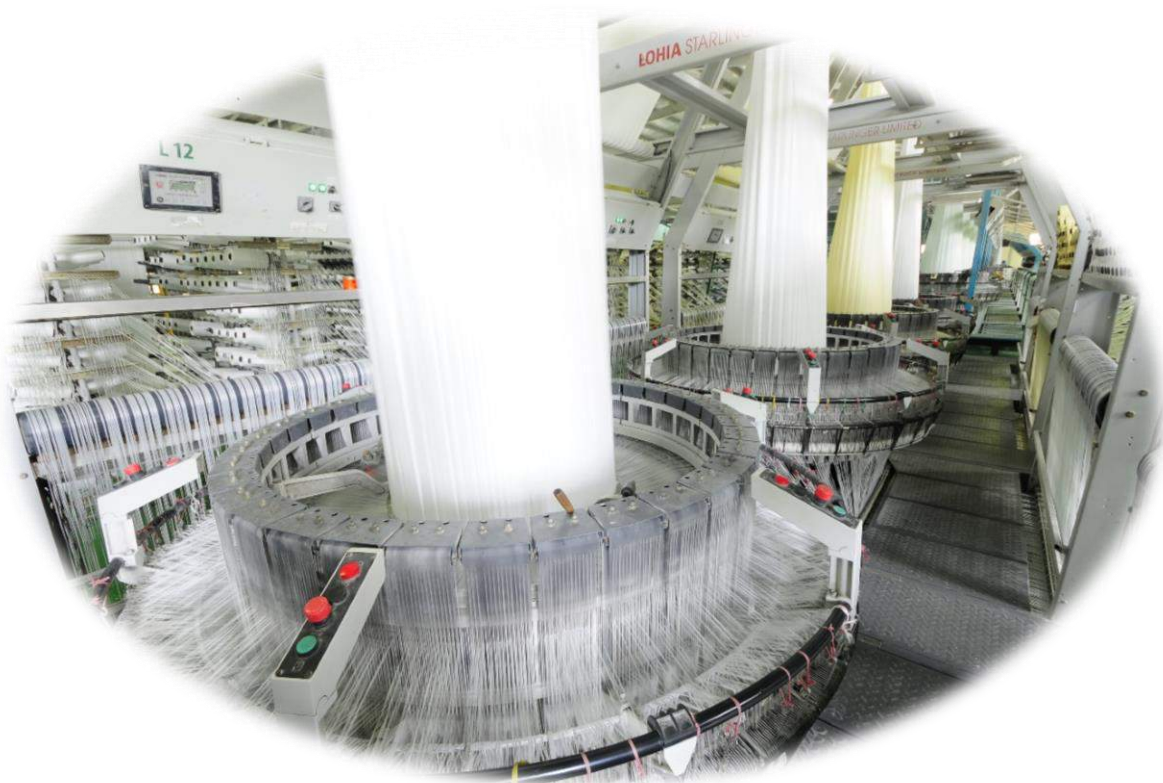






Định hướng phát triển

Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu



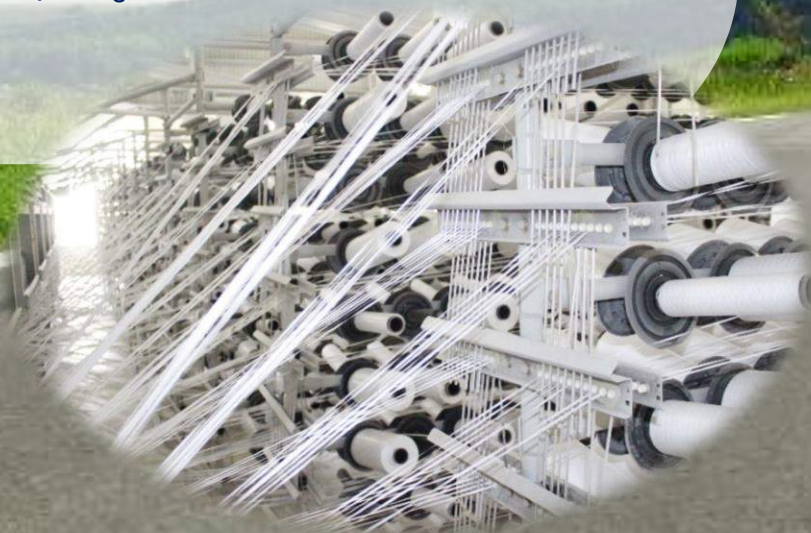


Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
- Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho PVFCCo và các đơn vị thành viên PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.
- Hướng hoạt động SXKD của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu.
- Phát triển dòng sản phẩm mới BOPP, bao bì đựng thực phẩm, bao bì chứa hóa chất

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
- Phấn đấu trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.
- Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao:
- Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics, ...).
- Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng.
- Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.
- Tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, củng cố liên kết ngành hiệu quả và nâng cao kỹ năng và tay nghề làm việc tổng thể.



Các mục tiêu phát triển bền vững

- Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/ tác động xấu đến môi trường.
- Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.



Năm 2015, tình hình thị trường thế giới có nhiều bất ổn, tồn tại nhiều rủi ro khó lường trước, thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Việc giảm giá đồng Nhân dân tệ, sự bất ổn của thị trường tài chính và tăng trưởng sụt giảm kèm theo những vấn đề về môi trường của Trung Quốc có tác động mạnh đến kinh tế thế giới.

Kết thúc năm 2015 – một năm cuối cùng của chặng đường phát triển 5 năm 2011 – 2015, những kết quả đạt được của năm này là cơ sở, động lực cho việc xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm 2016 cũng như cho chặng đường 5 năm tiếp theo 2016 – 2020. GDP năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014 cho thấy nền kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét tạo thuận lợi cho các ngành, nghề trong nước phát triển. CPI bình quân năm 2015 so với năm 2014 chỉ tăng 0,63%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 5% của Quốc hội đặt ra theo Tổng cục Thống kê, CPI năm 2015 có mức tăng khá thấp so với các năm trước do một số nguyên nhân như nguồn cung về lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào, giá luôn ở mức thấp; giá nguyên, nhiên liệu trên thị trường thế giới



RỦI RO KINH TẾ

Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty bao gồm hạt nhựa PP (Poly Propylen) và PE, nguồn cung cấp các nguyên liệu này chủ yếu từ nước ngoài (các nước Trung Đông, Hàn Quốc và Châu Âu). Do đó, sự bất ổn về kinh tế, chính trị của các nước này sẽ tác động trực tiếp đến việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Công ty và ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của Công ty.

Mặt khác, biến động giá dầu cũng có những ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Năm vừa qua, giá dầu giảm mạnh là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, giá dầu diễn biến khó lường, có nhiều biến động sẽ đưa Công ty vào thế bị động. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào phù hợp với mục đích kinh doanh từ những nhà cung cấp ổn định và đáng tin cậy.



RỦI RO ĐẶC THÙ

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.



RỦI RO KHÁC

gần đây giảm mạnh cho nên giá xăng dầu trong nước cũng được điều chỉnh giảm, kéo theo chỉ số giá nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng và nhóm Giao thông năm nay lần lượt giảm 1,62% và 11,92% so với năm trước, trong đó riêng giá xăng dầu giảm 24,77% so với năm trước, góp phần giảm CPI chung 0,9%. Ngoài ra, mức độ điều chỉnh giá của nhóm hàng do Nhà nước quản lý như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế thấp hơn so với năm trước,... Trong hai năm gần đây, CPI tăng thấp, ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn có yếu tố tâm lý, chi tiêu của người dân được tính toán kỹ lưỡng hơn, cân nhắc hơn. Về lãi suất huy động USD, vào tối ngày 17/12, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bất ngờ phát đi thông báo chính thức về việc hạ lãi suất tiền gửi bằng đồng USD của khách hàng cá nhân về 0%/năm và có hiệu lực kể từ ngày 18/12 (trước đó, tối ngày 27/09, NHNN cũng đã quyết định hạ trần lãi suất gửi bằng đồng USD với cá nhân từ 0.75%/năm xuống còn 0.25%/năm).

Những chuyển biến của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ. Tuy nhiên, Công ty luôn trong trạng thái chủ động để có thể ứng biến nhanh nhạy, có biện pháp phòng ngừa rủi ro để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi.



RỦI RO LUẬT PHÁP

Là Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của PMP chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Những thay đổi từ chính sách, pháp luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu PMP.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

CÁC RỦI RO



RỦI RO GIÁ CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình hoạt động trong năm



Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

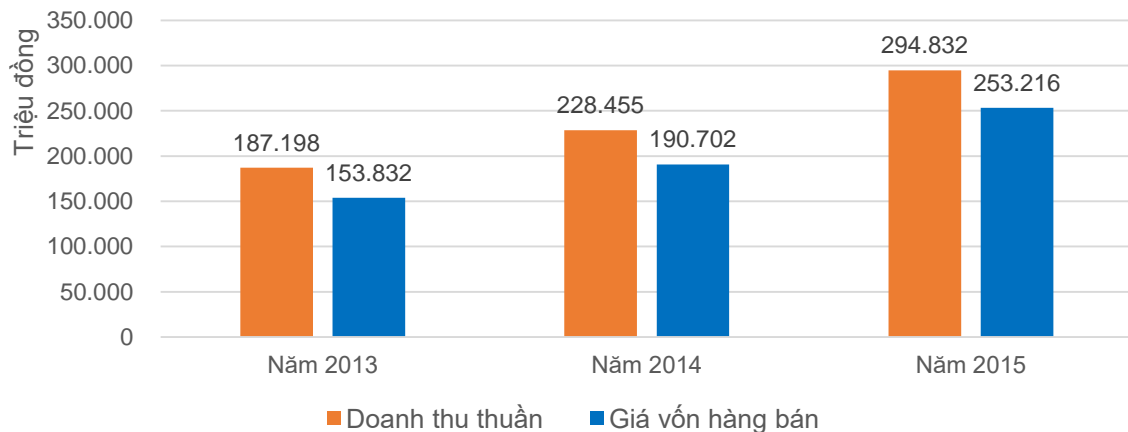
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng / giảm 2015
1	Doanh thu thuần	228.494	294.832	29,06%
2	Giá vốn hàng bán	190.702	253.216	32,78%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	687	670	-2,46%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	26.730	29.901	11,86%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.708	12.386	5,78%
6	Thu nhập khác	70	465	561,84%
7	Chi phí khác	38	187	397,66%
8	Lợi nhuận khác	33	277	751,35%
9	Lợi nhuận trước thuế	11.741	12.663	7,85%
10	Lợi nhuận sau thuế	10.177	11.113	9,19%
11	EPS (đồng/cổ phiếu)	2.181	2.249	3,12%

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



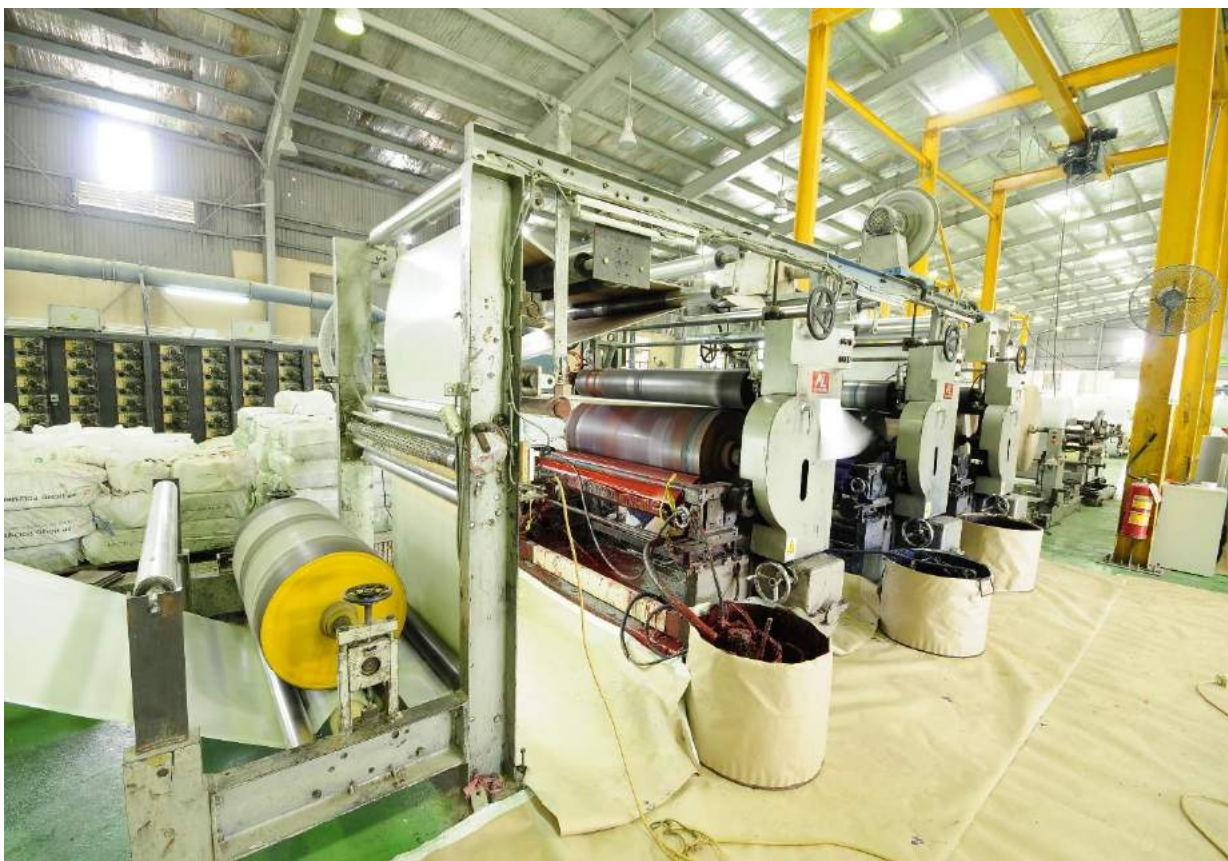
Doanh thu thuần và giá vốn hàng bán qua các năm



Nhìn chung các chỉ tiêu để đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty đều khả quan như Doanh thu thuần năm 2015 là 294,8 tỉ đồng tăng 29,06% so với năm 2014 kéo theo lợi nhuận sau thuế tăng 9,19% so với cùng kì. Doanh thu tuy tăng khá cao nhưng giá vốn hàng bán lên đến khoảng 253 tỉ đồng, chiếm khoảng 85% Doanh thu thuần nên lợi nhuận năm 2015 chỉ ở mức 11 tỉ đồng.

Trong cơ cấu chi phí của Công ty giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân chiếm khoảng 82-85% doanh thu thuần, tỷ lệ này tương đối ổn định, ít có sự biến động qua các năm. Chi phí tài chính và Chi phí bán hàng của Công ty không đáng kể trong cơ cấu chi phí qua

các năm. Chi phí bán hàng chỉ chiếm khoảng 2% doanh thu thuần hàng năm, tuy nhiên chi phí bán hàng năm 2015 tăng 30% so với năm 2014 là do một số chi phí tăng thêm như: chi phí vận chuyển tăng 19%, chi phí chăm sóc khách hàng, tiếp thị quảng cáo, mở rộng thị trường tăng 21%. Chi phí tài chính chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng 1% doanh thu thuần. Chi phí quản lý của Công ty bao gồm cả chi phí thuê đất, chi phí khấu hao nhà cửa, ...chiếm tỷ trọng khá cao so với doanh thu thuần. Năm 2013 chiếm gần 10% doanh thu thuần, tuy nhiên năm 2014 tỷ lệ này giảm còn 8%, năm 2015 giảm còn 6,4% do sự quản lý chặt chẽ chi phí của Công ty.





Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
DT bán hàng	184.907	98,78%	208.213	91,12%	215.277	73,02%
Bao bì phân bón/nông sản	100.604	53,74%	115.540	50,57%	153.702	52,13%
Bao xi măng	84.303	45,03%	90.698	39,69%	54.414	18,46%
Bao Jumbo	0	0,00%	1.975	0,86%	7.161	2,43%
DT cung cấp dịch vụ	1.433	0,77%	19.362	8,47%	77.831	26,40%
DT khác	858	0,46%	919	0,40%	1.724	0,58%
Tổng cộng	187.198	100%	228.494	100%	294.832	100,00%

(Đơn vị tính: Triệu đồng)



Doanh thu bán hàng bao gồm các mảng bao bì phân bón/nông sản, bao xi măng và bao Jumbo. Trong đó, bao bì phân bón/nông sản là mảng kinh doanh chủ lực của Công ty, chiếm tỉ trọng 52% trong cơ cấu doanh thu. Doanh thu bán hàng tăng đều qua các năm đều do sự tăng mạnh về doanh thu bán bao bì phân bón/nông sản. Bao xi măng được Công ty giảm tỉ trọng để phân bổ nguồn lực cho 2 mảng còn lại là bao bì phân bón/nông sản và bao Jumbo. Ngoài việc sản xuất các bao bì truyền thống, từ năm 2014, Công ty mở rộng sản xuất thêm bao Jumbo đã đem lại doanh thu và tăng trưởng khá tốt, mức tăng doanh thu của riêng bao Jumbo là 5 tỉ đồng và mức tăng tỉ trọng so với năm 2014 là 1,56%.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cũng được tăng mạnh qua các năm do từ năm 2014 Công ty bắt đầu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại một số mặt hàng nhựa và giấy, nên tỷ lệ doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ năm 2013 chỉ chiếm 0,77% nhưng đã tăng lên 8,47% trong năm 2014 và chiếm tỉ trọng khá cao vào năm 2015 là 26% với mức tăng doanh thu là 55,5 tỉ đồng.

Doanh thu khác là khoản doanh thu từ hoạt động cho Công ty TNHH Hương Phong thuê đất tại trụ sở Công ty với giá bằng giá Công ty thuê để giảm bớt chi phí quản lý cho Công ty.



Tổ chức và nhân sự

Ông Trần Anh Tú - Giám đốc

- Ngày sinh: 25/06/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 72 ngách 155/206 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 012624850, cấp ngày 30/08/2011, tại Công an Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 - 2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001 - 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005 - 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT (liên doanh Ngân hàng Quốc tế Việt Nam và Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự)	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 - 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 812.300 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 19,34% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,23
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,23
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,23
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Ông Trương Đình Thanh – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/10/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Hưng Phúc, Vinh, Nghệ An.
- Số CMND: 187338036 cấp ngày 22/12/2010 tại Công an tỉnh Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1991-1992	Nhà máy Z171 Tổng cục kỹ thuật – Bộ quốc phòng	Phó quản đốc xưởng cơ khí
Từ 1992-1994	Nhà máy Z171 Tổng cục kỹ thuật – Bộ quốc phòng	Trưởng phòng Hành chính quản trị
Từ 1994 - 2001	Nhà máy Bao bì Nhựa Quân khu 4	Trưởng Ban kỹ thuật công nghệ
Từ 2001 - 2004	Công ty DV-CN Nghệ An	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
Từ 7/2004 - 5/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong	Phó Giám đốc
Từ 5/2008 - 12/2008	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc
Từ 2009 - 2012	Công ty CP Bao bì Đồng Phú	Phó Giám đốc
Từ 2012 - 7/2013	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chuyên gia
Từ 2013 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc Công ty



- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trương Đình Xuân	Em ruột	12.000	0,29%
Trương Tuấn Anh Minh	Con ruột	3.000	0,07%

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

Phạm Ngọc Thiệp – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/10/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thôn Dinh Như, Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, Hải Dương.
- Số CMND: 141963527 cấp ngày 24/02/2010 tại Công an tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/2003 - 5/2005	Công ty cổ phần Vận tải Nam Phát	Nhân viên Xuất nhập khẩu
Từ 6/2005 - 03/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong - Công ty TNHH Hương Phong.	Nhân viên kinh doanh
Từ 04/2008 - 03/2011	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư
Từ 03/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc Kinh doanh



- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần; chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị May	Vợ	5.000	0,12

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

Cao Vĩnh Hậu – Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/07/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Quảng Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 8, Ấp Thị Vải, Xã Mỹ Xuân, Tân Thành, BRVT.
- Số CMND: 273589241 cấp ngày 12/4/2012 tại Công an tỉnh BR – VT
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/2002 - 6/2003	Công ty CP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
Từ 7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
Từ 11/2004 - 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
Từ 2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

-



- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần; chiếm 0,11% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Thị Thanh Thúy	Vợ	5.000	0,12
Cao Thị Mỹ Linh	Em ruột	3.000	0,07

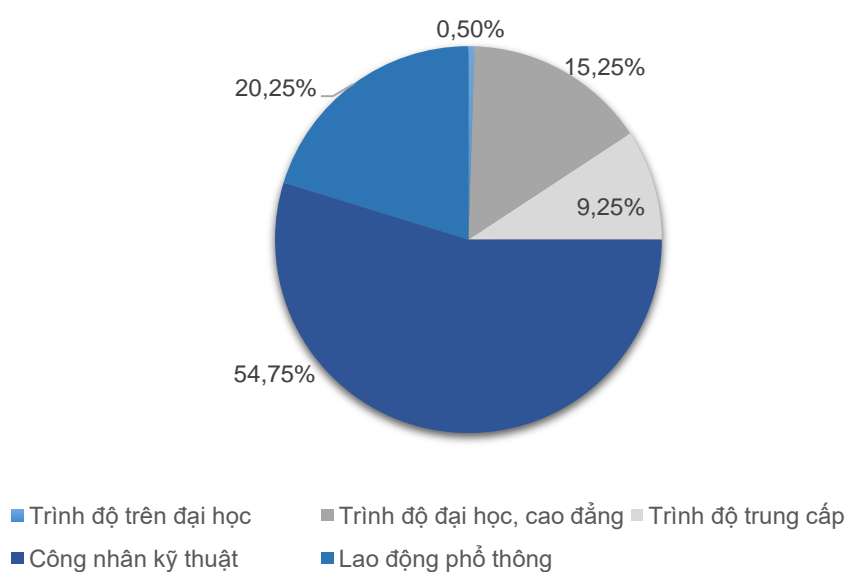
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

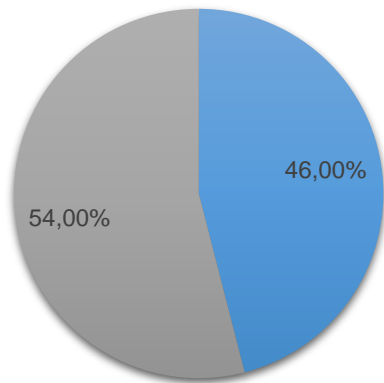
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	400	100%
1	Trình độ trên đại học	2	0,50%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	61	15,25%
3	Trình độ trung cấp	37	9,25%
4	Công nhân kỹ thuật	219	54,75%
5	Lao động phổ thông	81	20,25%
II	Theo loại hợp đồng lao động	400	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	184	46,00%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	216	54,00%
III	Theo giới tính	400	100%
1	Nam	166	41,50%
2	Nữ	234	58,50%

Số lượng CBCNV theo trình độ lao động

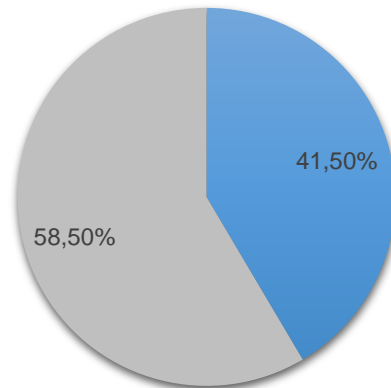


Theo loại hợp đồng lao động



■ Hợp đồng không thời hạn ■ Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
■ Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

Theo giới tính



■ Nam ■ Nữ

Cán bộ Công nhân viên của Công ty phân theo cơ cấu trình độ lao động chiếm đa số là công nhân kĩ thuật với số lượng 219 người chiếm 54,75%. Do việc tập trung vào sản xuất tại nhà máy cần một lượng lớn lao động là đặc thù của một doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng tuyển dụng những nhân sự có trình độ đại học, cao đẳng để tham gia vào quản lý các công việc hành chính, điều hành giúp cho những hoạt động của văn phòng Công ty cũng như nhà máy, phân xưởng được diễn ra trơn tru, suôn sẻ.

Năm 2015, trong cơ cấu nhân sự phân theo loại hợp đồng của Công ty không có hợp đồng thời vụ, do Công ty luôn hướng lao động gắn bó lâu dài bởi những chính sách đãi ngộ, khuyến khích nhân viên làm việc hiệu quả.



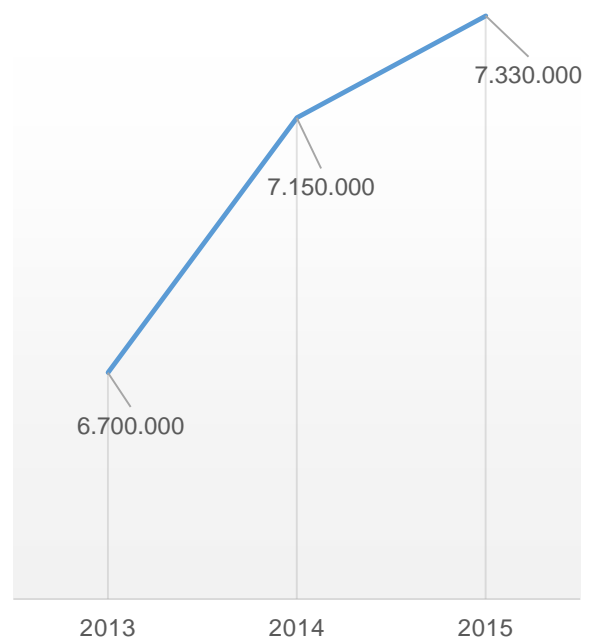


STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2013	345	6.700.000
2	2014	375	7.150.000
3	2015	398	7.330.000

Năm 2015, các chính sách của Công ty đối với Cán bộ Công nhân viên vẫn duy trì thực hiện như năm 2014: trả lương theo sản phẩm đối với khối công nhân sản xuất trực tiếp và lương thời gian theo công việc đối với khối gián tiếp và quản lý sản xuất. Lương được chia thành 2 phần: lương theo chức danh và lương hiệu quả, riêng phần hiệu quả được đánh giá và điều chỉnh hàng tháng theo kết quả thực hiện công việc. Ngoài ra Công ty cũng chi lương bổ sung, chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Cán bộ Công nhân viên vào các ngày lễ và đặc biệt là dịp Tết Nguyên đán.

Năm 2016, Công ty đã chuyển đổi thành đại chúng hóa nên chính sách lương thưởng của Công ty sẽ thay đổi bổ sung cho phù hợp với cơ chế thị trường, chú trọng nâng cao thu nhập cho Cán bộ công nhân viên thuộc khối Kinh doanh và Kỹ thuật Sản xuất. Áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm đối với bộ phận trưởng ca và bảo trì của mỗi Phân xưởng, gắn thu nhập với năng suất và chất lượng sản phẩm nhằm tăng hiệu quả và trách nhiệm đối với công việc.

Thu nhập bình quân qua các năm



Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với công ty, DPMP đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ năng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.



- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo - sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho Cán bộ Công nhân viên, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại DPMP được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ Cán bộ Công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho Cán bộ Công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, nghỉ mát.







Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Không có

Các công ty con, công ty liên kết

Không có.



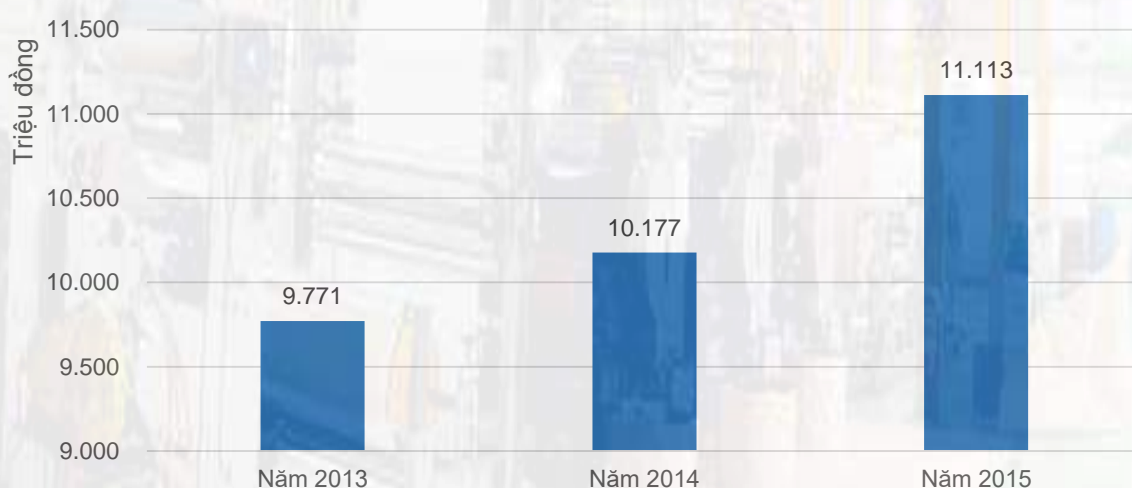


Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng / giảm 2015
1	Tổng tài sản	109.409	124.503	13,8%
2	Doanh thu thuần	228.494	294.832	29,06%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.708	12.386	5,78%
4	Lợi nhuận khác	33	277	751,35%
5	Lợi nhuận trước thuế	11.741	12.663	7,85%
6	Lợi nhuận sau thuế	10.177	11.113	9,19%

Lợi nhuận sau thuế qua các năm



Trong điều kiện nền kinh tế hiện nay, tình hình suy thoái của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước trong vài năm qua ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Công ty trong nước. Song đối với ngành sản xuất bao bì - ngành công nghiệp phụ trợ - vẫn có những bước tăng trưởng đáng kể và không thể thiếu trong dây chuyền cung ứng sản phẩm các ngành công nghiệp khác nhau. Do đó, việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn duy trì và tăng trưởng ổn định, lợi nhuận sau thuế có mức tăng trưởng đều, năm 2015 là 11.113 triệu đồng tăng 9,19% so với năm 2014. Theo báo cáo của Hiệp Hội Nhựa Việt Nam, trong 3 năm trở lại đây, xu hướng đặt gia công các sản phẩm bao bì từ thị trường truyền thống Trung Quốc đã chuyển dần sang các thị trường Campuchia, Myanmar và Việt Nam do chi phí lao động còn thấp và chính sách kêu gọi đầu tư tăng. Vì thế, gia tăng đầu tư tại thời điểm hiện tại sẽ có những lợi thế cạnh tranh và đảm bảo hiệu quả trong ngắn hạn và trung hạn.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,4	1,39
+ Hệ số thanh toán nhanh $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	1,03	0,80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,45	0,49
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,81	0,98
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	11,51	9,52
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,02	2,52
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,45%	3,77%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,52%	18,04%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,99%	9,50%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,13%	4,20%

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Cổ phần

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: PMP
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần:
 - Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.200.000 CP
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 456.290 CP
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 3.743.730 CP

Theo quy định tại Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Do vậy, số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được cụ thể như sau:

STT	Người nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Cổ đông lớn là người có liên quan	1.820.300	43,34%
2	Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn là người có liên quan	1.680.000	40,00%
3	Phạm Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT	208.280	4,96%
4	Hồ Thị Minh Hòa	Thành viên HĐQT	280	0,006%
5	Trần Anh Tú	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	20.000	0,48%
6	Phạm Ngọc Thiệp	Phó GD	5.000	0,12%
7	Trương Đình Thanh	Phó GD	5.000	0,12%
8	Phạm Văn Khánh	TV BKS	270	0,006%
9	Cao Vĩnh Hậu	KTT	4.600	0,11%
TỔNG CỘNG			3.743.730	89,14%

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	144	4.200.000	42.000.000.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	0%
2	Cổ đông tổ chức	2	3.500.300	35.003.000.000	83,34%
3	Cổ đông cá nhân	142	699.700	6.997.000.000	16,66%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	0%
1	Cá nhân	-	-	-	0%
2	Tổ chức	-	-	-	0%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0%
Tổng cộng		144	4.200.000	42.000.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Sự bền vững của Môi trường có sự tương thích chặt chẽ đến tất cả mọi hoạt động của Công ty về lâu dài. Vì môi trường bền vững tạo điều kiện thuận lợi giúp những cá thể trong đó tồn tại và phát triển mà Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ là một trong những cá thể đó. Có thể nói, việc bảo vệ môi trường luôn song hành với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và trách nhiệm chính của Công ty là bảo tồn và bảo vệ môi trường trong phạm vi hoạt động cũng như xung quanh hoạt động sản xuất. Để giữ gìn được môi trường xung quanh, chúng tôi luôn luôn chủ động xây dựng những biện pháp nhằm hướng đến môi trường:

- Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- Vận hành các xưởng, nhà máy phù hợp theo quy định về môi trường của Chính phủ. Hướng ứng các sáng kiến của Chính phủ về thúc đẩy việc bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.
- Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, cử cán bộ nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề, các chỉ tiêu về môi trường để có thể chuyên môn hóa, hiểu biết đúng về các biện pháp hạn chế phát thải, phân tích môi trường xung quanh và đưa ra các hướng giải quyết khi có các vấn đề xảy ra một cách kịp thời.







Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2014	KH năm 2015	TH 2015	% TH /KH 2015	% TH 2015/ TH 2014
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
1	Sản lượng sản xuất						
	<i>Bao truyền thống</i>	<i>Tr.bao</i>	49,68	55,00	55,59	101%	112%
	<i>Bao khác</i>	<i>Ng.bao</i>	20,26	80,00	101,86	127%	503%
2	Sản lượng tiêu thụ						
	<i>Bao truyền thống</i>	<i>Tr.bao</i>	49,50	55,00	55,19	100%	111%
	<i>Bao khác</i>	<i>Ng.bao</i>	20,02	80,00	97,72	122%	488%
3	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	229,21	245,58	295,97	121%	129%
4	Tổng chi phí	Tỷ.đ	217,47	232,91	283,30	122%	130%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	11,74	12,67	12,66	100%	108%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	10,18	11,05	11,11	101%	109%
7	Tỷ suất LNST/VĐL	%	24	26	26	100%	100%
8	Tỷ suất LNST/VCSH	%	18	19	19	100%	100%
9	Tỷ suất chia cổ tức	%	17	18	18	100%	100%
10	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách NN	Tỷ.đ	13,75	14,85	14,83	100%	108%
11	Lao động và thu nhập						
-	Lao động BQ	Người	360	400	400	100%	111%
-	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	6,9	7,33	7,26	99%	105%

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Công tác sản xuất – kinh doanh

- Giá nguyên vật liệu đầu vào biến động liên tục, không ổn định dẫn đến khó khăn trong công tác dự báo giá nguyên vật liệu.
- Đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều và lớn mạnh về khả năng cung cấp, xuất hiện tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.
- Nhu cầu thị trường bao bì trên thế giới đang chuyển dần từ Trung Quốc sang các nước có lợi thế về chi phí gia công như Việt Nam. Do đó đây cũng là một trong những thuận lợi để Công ty mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu.
- Có sẵn hệ thống khách hàng truyền thống lớn và nhu cầu ổn định: Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Chi nhánh Tổng Công ty PVFCCo, Công ty TNHH Công nghiệp Bao CP Việt Nam, Công ty TNHH CJSC, Công ty XM Nghi Sơn, ...

Công tác quản lý chi phí

- Đã thực hiện tốt việc phân tích, đánh giá các chi phí trong cơ cấu giá thành nhằm nhận diện thật chính xác các chi phí để có các giải pháp kiểm soát và giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đã xây dựng và ban hành lại một số quy định, quy trình như quy trình mua sắm, quy trình xuất nhập kho, hàng tồn kho tối thiểu...nhằm kiểm soát tốt chi phí và tài sản của Công ty.



Các vấn đề còn tồn tại

- Bên cạnh kết quả đạt được, trong năm 2015 còn nhiều tồn tại cần khắc phục nổi bật nhất là tình hình biến động lao động tại các Phân xưởng sản xuất, lao động khối kỹ thuật còn thiếu người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nhằm đáp ứng cho sản xuất, đặc biệt là trong việc triển khai sản xuất các sản phẩm mới.
- Sau 12 năm hoạt động, máy móc đã thể hiện nhiều hư hỏng khó sửa chữa, cải tạo dẫn đến năng suất giảm.
- Nhu cầu thị trường đang hướng đến các dòng sản phẩm cao cấp, quy cách khác biệt so với công nghệ hiện tại của Công ty.



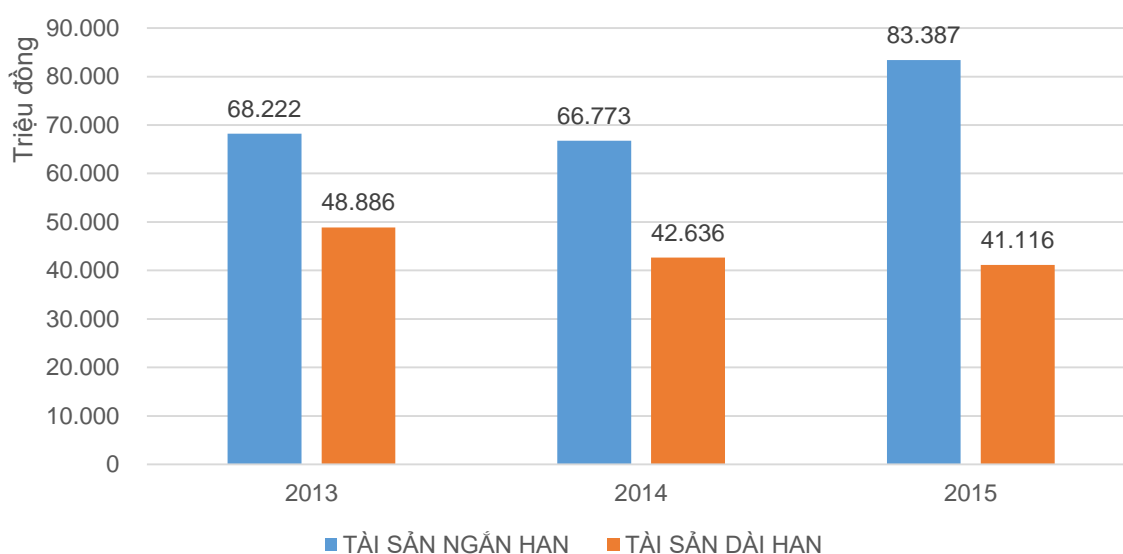
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	66.773	83.387	24,88%
2	Tài sản dài hạn	42.636	41.116	-3,56%
Tổng tài sản		109.409	124.503	13,80%

(ĐVT: triệu đồng)

Tình hình tài sản qua các năm



Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn năm 2015 ở mức 83 tỉ đồng tăng 24,88% so với năm 2014 chủ yếu là do hàng tồn kho tăng 104,2% và các tài sản ngắn hạn khác tăng 47,93%. Chi tiết hàng tồn kho như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/Giảm
Hàng mua đang đi đường	-	18.100.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.828.796.716	19.644.416.883	187,67%
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.604.701.157	13.449.446.201	76,86%
Thành phẩm	2.904.346.061	2.414.511.253	-16,87%
Hàng hóa	15.128.449	14.898.869	-1,52%
Công cụ, dụng cụ	135.671.313	171.214.227	26,20%
Tổng cộng	17.352.972.383	35.541.373.406	104,81%

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu hàng tồn kho năm 2015 hơn 35 tỉ tăng 104,81% so với cùng kì được đóng góp chủ yếu từ nguyên liệu, vật liệu hơn 19 tỉ tăng 187,67% và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hơn 13 tỉ tăng hơn 76% so với năm 2014. Chủ yếu việc tăng này là do công ty đầu tư mua thêm nguyên vật liệu đầu vào nhằm đẩy mạnh việc sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng và nguồn cầu dồi dào từ Tổng Công ty.

Tài sản dài hạn

STT	Khoản mục	31/12/2014		31/12/2015	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	28.317	19.565	30.658	19.783
2	Phương tiện vận tải	1.401	493	1.434	331
3	Máy móc, thiết bị	55.578	20.608	59.440	20.108
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	129	-	129	-
Tài sản cố định hữu hình		85.426	40.666	91.662	40.222

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

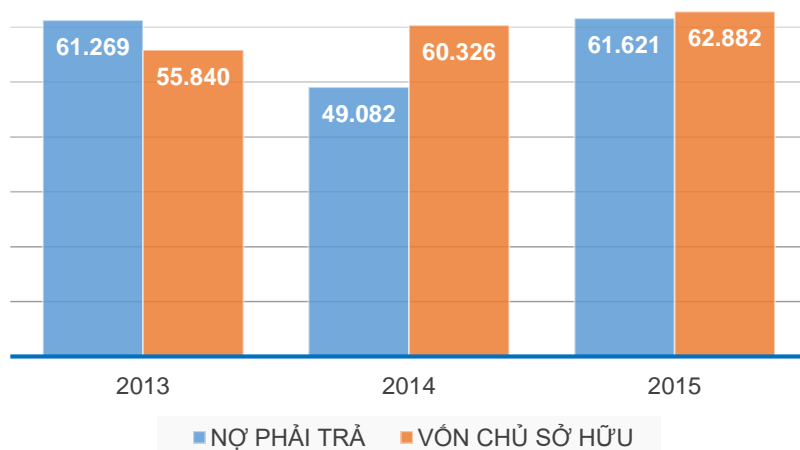
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31.376.867.591 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.943.781.553 đồng).



Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	% Tăng/ Giảm
I	Nợ phải trả	49.083	61.621	25,55%
1	Nợ ngắn hạn	47.755	59.856	25,34%
2	Nợ dài hạn	1.328	1.766	32,99%
II	Vốn chủ sở hữu	60.326	62.882	4,24%
Tổng nguồn vốn		109.409	124.503	13,80%

(Đơn vị tính: triệu đồng)



Nợ phải trả luôn chiếm gần 50% trong cơ cấu nguồn vốn của CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ, cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ từ hai nguồn là vốn vay và vốn chủ sở hữu, tạo ra sự cân bằng trong cán cân sử dụng nợ và vốn chủ sở hữu. Công

ty theo đuổi mục tiêu này để tránh đi vay mượn nhiều hơn số vốn hiện có, nên doanh nghiệp có thể gặp rủi ro trong việc trả nợ, đặc biệt là doanh nghiệp càng gặp nhiều khó khăn hơn khi lãi suất ngân hàng ngày một tăng cao.

Vòng quay khoản phải trả năm 2014 là 8,63 và năm 2015 là 11,27 vòng tương ứng với 30-45 ngày cho các khoản phải trả là không quá dài để Công ty có thể thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn, cho thấy sự cân bằng về các quyết định dùng công cụ đòn bẩy để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, đảm bảo về rủi ro, kiểm soát gánh nặng lãi suất trong mức chịu đựng được của Công ty.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015 so 2014
Vòng quay khoản phải trả	vòng	8,63	11,27	130,59%

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DPMP-HĐHM với hạn mức cho vay là 45 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tiền lãi phải trả từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29.593.488.261 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/ HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc, thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 996.315.498 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/ HĐTD/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.245.876.500 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 58.15.553.895699.TD ngày 25 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng Thương mại TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, thời hạn cho vay tối đa đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC/bảo lãnh và chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng trong giai đoạn 2015-2016. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Quân Đội; kỳ tính lãi sẽ được quy định trên từng văn bản nhận nợ. Khoản vay này không có thế chấp. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.541.654.500 đồng.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh trên địa bàn nên Công ty có khả năng tận dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng. Công ty là đơn vị đã có nhiều năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, DPMP đã được nhiều doanh nghiệp sử dụng vỏ bao bì nhựa biết đến.

Công ty đã và đang từng bước xây dựng được cho mình một thương hiệu trên thị trường nhựa, bao bì, có uy tín về chất lượng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Ban lãnh đạo DPMP có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm, có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản xuất kinh doanh nhiều năm trong



ngành; tập thể lãnh đạo, người lao động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát triển Công ty.

Sản phẩm ngành nhựa, bao bì được ứng dụng rộng rãi trên các lĩnh vực công nghiệp, thực phẩm, hóa chất. So với các ngành công nghiệp khác, ngành nhựa được xem là một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh. Trong những năm gần đây, ngành nhựa Việt Nam là một trong những ngành kinh tế năng động có những bước phát triển nhảy vọt đáng kể là ngành nhựa, có tốc độ phát triển nhanh, đạt 20-25%/năm. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới.



Xét về nhu cầu và khả năng đáp ứng của ngành nhựa Việt Nam, hiện nay các sản phẩm nội địa mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu về sản phẩm nhựa chất lượng cao nên khá nhiều công ty phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài.

Chính vì vậy, chiến lược đầu tư cho ngành nhựa luôn được Chính phủ quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Trong đó ngành nhựa bao bì ngày càng chứng tỏ khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường với thị phần tăng lên qua từng năm, dao động ở mức 30-40% trong cơ cấu sản phẩm nhựa (Nhựa kỹ thuật cao, nhựa gia dụng, nhựa bao bì, nhựa VLXD).

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam đang có sự tăng trưởng đáng kể, hàng

hóa sản xuất cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu càng đa dạng, phong phú, nhu cầu về bao bì ngày càng tăng mạnh.

Là đơn vị chuyên sản xuất hai dòng sản phẩm chính là bao bì chứa phân bón/nông sản và bao bì xi măng, Công ty đã và đang thực hiện các kế hoạch hành động, đề ra chiến lược dựa theo chiến lược phát triển của ngành phân bón, cụ thể cung ứng bao bì cho Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và các đơn hàng bao bì xi măng, theo Quy hoạch phát triển ngành Xi măng. Với mục tiêu hiện thực hóa Chiến lược phát triển của Công ty Bao Bì, mục tiêu dài hạn định hướng cho sự phát triển của Công ty sẽ được xây dựng từ sự tích hợp các kế hoạch hành động ngắn hạn. Từ đó Công ty sẽ có được những chuẩn bị chu đáo cho việc sử dụng hiệu quả và hợp lý nguồn nhân lực, tài lực sao cho chiến lược phát triển bao bì.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2015	Kế hoạch Năm 2016	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ	42.000	42.000	0,00%
Tổng doanh thu	294.832	244.318	-12,37%
Lợi nhuận trước thuế	12.663	12.910	6,10%
Lợi nhuận sau thuế	11.113	10.280	-3,28%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	26,30%	24,50%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,60%	16,10%	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức	18%	17%	-



STT	Nội dung	Kế hoạch đến năm			
		2017	2018	2019	2020
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	337	362	402	441
2	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	90	90	90	90
3	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ (%)	21%	21%	22%	24%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	≥ 18%			
5	Lao động (người)	575	620	645	670
6	Sản phẩm mới	Màng phim			
7	Đầu tư	Dây chuyền SX Màng phim			



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Muốn làm được vậy, doanh nghiệp cần bắt tay xây dựng và chuyển đổi qua hệ thống quản lý với kế hoạch hành động xanh, tạo lập cơ sở vững chắc đảm bảo yếu tố môi trường, tính hiệu quả về sinh thái và sử dụng năng lượng, hạn chế phát thải nhà kính.

Hiểu được vấn đề đó nên Công ty luôn quan tâm đến vấn đề môi trường, hướng đến sử dụng những nguồn năng lượng sạch, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại là để đồng thời tăng năng suất sản xuất, tiết kiệm thời gian và giữ gìn môi trường xung quanh. Công ty luôn cử người đi đào tạo, tìm hiểu về các vấn đề môi trường, có trình độ chuyên môn để đánh giá các chỉ tiêu môi trường; thông qua đó, Công ty có những chính sách, phương hướng điều chỉnh thích hợp để cân bằng sản xuất kinh doanh có hiệu quả và sử dụng các nguồn tài nguyên xung quanh một cách hợp lý, kiểm soát sự ô nhiễm.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là động lực phát triển của Công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của Công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần. Thấu hiểu được vấn đề đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn có những chính sách, hoạt động để khích lệ người lao động:

Công tác tổ chức–nhân sự – đào tạo và các chính sách đối với người lao động

- Tuyển dụng, đào tạo bổ sung thay thế kịp thời những lao động nghỉ việc nhằm đáp ứng sản xuất.
- Điều chỉnh định mức lao động, đơn giá tiền lương chi tiết đến từng loại sản phẩm tại mỗi công đoạn sản xuất tạo sự chính xác và công bằng trong công tác trả lương.
- Thành lập tổ công nghệ để chuyên sâu hơn về các sản phẩm mới cũng như kiểm soát chặt chẽ hơn về mặt kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.
- Điều chỉnh lại cơ cấu quản lý, phân công nhiệm vụ các cán bộ quản lý sản xuất hợp lý, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh mới nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quản lý sản xuất.

Bên cạnh việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động Công ty cũng luôn dành kinh phí để làm công tác an sinh xã hội: tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán cho người nghèo, người tàn tật, trẻ mồ côi... của huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tặng quà cho các em học sinh nghèo trong chương “Nâng bước em đến trường” do Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng Tỉnh Nghệ An tổ chức.

Các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên thường xuyên thăm hỏi, chia sẻ đồng viên Cán bộ Công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, gặp hoạn nạn và hiếu hỉ... Bên cạnh đó Công ty còn tổ chức khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động 2 lần/năm; khám phụ khoa cho nữ Cán bộ công nhân viên. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cũng như cải tạo môi trường làm việc thường xuyên để bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Ngoài việc đảm bảo thu nhập, Công ty trú trọng quan tâm đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động: Hàng tháng người lao động được Công ty cấp sửa bồi dưỡng hiện vật tối thiểu tương đương 260.000 đ/tháng; được hỗ trợ tiền thuê nhà 200.000đ/người/ tháng. Công ty tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát hàng năm, gặp mặt tặng quà và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao vui chơi giải trí cho nữ CBCNV nhân ngày 08/3; 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con CBCNV trong dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết trung thu.

Hội khỏe truyền thống lần 4 năm 2015

Hội khỏe truyền thống trở thành ngày hội truyền thống được tổ chức hằng năm. Công ty tổ chức Hội khỏe truyền thống nhằm tạo sân chơi bổ ích và cơ hội giao lưu cho người lao động trong Công ty và các đối tác, khách hàng.



Hội khỏe năm nay được tổ chức với các nội dung: Giải mở rộng là Cầu lông, Bóng đá với sự tham gia của gần 200 vận động viên và giải nội bộ gồm: Cầu lông, bóng đá nam, nữ, điền kinh, kéo co diễn ra từ giữa tháng 5 đến cuối tháng 6.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cắp sách đến trường. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp cũng là một sự đầu tư của Doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,... tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với Công ty. Trong năm 2015, CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ đã gửi đến những hoạt động có ích nhằm hỗ trợ địa phương thông qua tổ chức nhiều chương trình thiết thực

Chương trình Tết vì người nghèo

Ngày 05/02/2015, Công ty đã phối hợp với Hội nạn nhân Chất độc da cam & Bảo trợ xã hội huyện Tân Thành, Hội người nghèo thị trấn Phú Mỹ đã tổ chức trao 180 phần quà tết tại UBND huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



Trao học bổng cho học sinh nghèo

Sáng ngày 18/08/2015, tại Trung tâm văn hóa xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, Công ty đã phối hợp với UBND xã – Ban chỉ đạo hè xã Tóc Tiên tổ chức Tổng kết sinh hoạt hè và trao 80 suất học bổng cho các em học sinh nghèo, khó khăn xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, trị giá 20 triệu đồng.



Hòa cùng không khí khai giảng trên toàn quốc, sáng ngày 05/09/2015, Công ty đã phối hợp các trường tiểu học Phú Mỹ, Quang Trung, Hắc Dịch, THCS Phú Mỹ để trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó tại buổi lễ khai giảng.

Công ty đã trao 220 suất học bổng cho các em học sinh nghèo với tổng trị giá 90 triệu đồng.







Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới, trong nước còn khó khăn và diễn biến phức tạp, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, xu hướng tiêu dùng bao bì có nhiều thay đổi và diễn biến nhanh so với thời điểm lập kế hoạch nên ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng đầu tư của Công ty. Song với sự đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, sự đồng hành chia sẻ của Quý cổ đông và các quyết định linh hoạt, phù hợp với xu hướng thị trường của Ban lãnh đạo, Công ty đã hoàn thành kế hoạch năm. Một số điểm nổi bật trong năm 2015 như sau:

Khách hàng bao bì xi măng giảm sản lượng đặt hàng: Trong năm vừa qua các khách hàng xi măng đã giảm 1 nửa sản lượng đặt hàng do từ giữa năm vừa qua trở lại đây khách hàng chuyển sang dùng bao dán đáy, loại bao không sử dụng công nghệ hiện tại của Công ty. Đây là dòng bao truyền thống chiếm khoảng 30% tổng sản lượng hàng năm của Công ty từ trước đến nay. Với việc thiếu hụt sản lượng từ dòng sản phẩm truyền thống là bao xi măng, Ban Điều hành quyết tâm đẩy mạnh công tác thị trường để nhận các đơn hàng khác bù vào phần sản lượng thiếu hụt. Kết quả là Công ty đã hoàn thành kế hoạch đặt ra. Tính đến thời điểm hiện tại, các thiết bị dòng bao xi măng đã hết khấu hao, tuy nhiên các máy này vẫn đang còn có khả năng khai thác, như hệ thống máy dệt lớn vẫn đang được vận hành để dệt các loại manh làm túi xách siêu thị, manh làm bao Jumbo phù hợp. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành vẫn tiếp tục tìm kiếm các mặt hàng để tận dụng khai thác tối đa các thiết bị này trong khi chưa đầu tư mới các thiết bị thay thế.



Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: Đây là mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đặt ra từ nhiều năm trước và giao cho HĐQT lựa chọn thời điểm thuận lợi để niêm yết. Thực hiện yêu cầu này, tháng 4/2015, công ty hoàn tất thủ tục chuyển đổi trở thành Công ty đại chúng, với sự tham gia góp vốn của 140 cổ đông nhỏ ngoài 2 cổ đông lớn là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và cổ đông Công ty TNHH Hương Phong. Sau đó, đến tháng 9/2015, Ban lãnh đạo Công ty xác định đây là thời điểm phù hợp để niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán và Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu vào ngày 22/09/2015 với mức giá chào sàn là 16.500 đ/cp. Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 14/3/2016, khối lượng cổ phiếu được giao dịch là 132.200 lượt cổ phiếu, đạt giá trị 2.157.730.000 đồng, tương ứng mức giá trung bình 16.321 đồng. Giá đóng cửa 14/03 là 14.600 đồng. Kể từ ngày niêm yết, Công ty đã tuân thủ các quy định của UBCKNN về việc thực hiện các quy định công bố thông tin, chế độ báo cáo.

Phát triển dòng sản phẩm mới bao túi xách siêu thị: trong năm 2015 Công ty đã tiếp cận được thị trường xuất khẩu dòng bao túi xách siêu thị, đạt 2% trong tổng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty. Mặc dù dòng sản phẩm này sử dụng lao động khá lớn và giá trị gia tăng tạo ra trên một đơn vị sản phẩm không cao nhưng mục đích của việc khai thác để duy trì kết nối với khách hàng, mở ra các cơ hội đầu tư khác. Đặc biệt, đối với dòng bao này chi phí đầu tư rất thấp (chỉ đầu tư thêm hệ thống máy may), thực hiện nhanh chóng, trong khi khai thác tốt hệ thống máy dệt tại Công ty. Hiện tại một số sản phẩm dòng bao túi siêu thị Công ty đang phải đặt mua ngoài phần manh BOPP để về tráng ghép với manh vải được tự sản xuất trên dây chuyền máy dệt của Công ty, sau đó tiếp tục thực hiện công đoạn may để cho sản phẩm hoàn thiện. Từ việc mở rộng thị trường dòng sản phẩm này, đồng thời xem xét đến nhu cầu thị trường đối với manh BOPP đang vạch ra hướng nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm mới liên quan đến màng phim. Dự án dây chuyền BOPP đang trong quá trình nghiên cứu đầu tư

Tăng trưởng mạnh dòng bao Jumbo: Công ty đã bắt đầu thực hiện từ năm 2014, nhưng mới chỉ ở bước đầu tìm hiểu thị trường, thực hiện công đoạn may, nhận những sản phẩm đơn giản và sản lượng trong năm 2014 còn thấp. Trong kế hoạch 2015, mức sản lượng dòng bao này còn ở mức khiêm tốn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển thị trường đã thấy được cơ hội phát triển dòng bao Jumbo. Do đó, mặc dù hệ thống máy móc thiết bị dòng bao Jumbo chưa được đầu tư toàn bộ dây chuyền, nhưng Ban Điều hành đã linh hoạt đưa ra các chỉ đạo khai thác tối đa năng lực, nhận các sản phẩm có quy cách đa dạng hơn, chấp nhận thương mại các khâu Công ty chưa có thiết bị để duy trì khách hàng và từng bước chiếm lĩnh thị trường. Kết quả là, năm 2015 sản lượng tiêu thụ vượt 20% so kế hoạch đề ra. Trên cơ sở thấy được khả năng khai thác, dòng sản phẩm này được xác định là một trong những sản phẩm chủ lực của Công ty trong thời gian tới.



Thay đổi kế hoạch đầu tư hệ thống máy dệt nhỏ chuyển sang đầu tư hệ thống dây chuyền bao Jumbo, làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, thiếu hụt khâu dệt khoảng 5 triệu bao quy đổi. Tuy nhiên, Công ty đã linh hoạt thực hiện gia công ngoài công đoạn bị thiếu năng lực để đáp ứng kế hoạch sản xuất thành phẩm xuất bán với mục đích vừa giữ khách hàng, vừa hoàn kế hoạch tiêu thụ năm. Về việc thay đổi kế hoạch đầu tư, theo định hướng ban đầu, Công ty sẽ thực hiện đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất tập trung vào 2 dòng sản phẩm chính, *thứ nhất* là nâng công suất dòng bao bì phân bón nông sản, thêm 14 triệu bao và *thứ hai* là đầu tư dây chuyền sản xuất bao jumbo có công suất 90 ngàn bao. Tuy nhiên song song với việc triển khai đầu tư, công tác phát triển khách hàng và mở rộng thị trường vẫn được đẩy mạnh. Trong quá trình tiếp cận với khách hàng trong nước và xuất khẩu đã đưa đến lựa chọn thay đổi định hướng đầu tư, từ đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bao bì phân bón nông sản và Jumbo sang chỉ đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo. Lý do chính là, mặc dù dòng bao bì truyền thống vẫn ổn định về sản lượng và doanh thu, tuy nhiên, dòng bao Jumbo đang có lợi thế khai thác hơn do xu hướng tiêu dùng bao Jumbo đang tiếp tục gia tăng, trong khi đối thủ đối thủ cạnh tranh trong nước còn ít. Mặt khác, đánh giá được mức độ gia tăng cơ hội tìm kiếm lợi nhuận khi sản xuất bao Jumbo cao hơn so với dòng bao truyền thống, trên cơ sở cân nhắc cùng với một mức đầu tư, chi phí quản lý sản xuất là tương đương, nhưng làm bao bì Jumbo sẽ dễ kiểm soát và quản lý chất lượng hơn, doanh thu cao hơn, giá trị lợi nhuận trên đầu sản phẩm nhiều hơn, do vậy Hội đồng quản trị đồng ý chuyển dịch đầu tư thiết bị từ sản xuất bao bì truyền thống và Jumbo sang sản xuất hoàn toàn dòng bao Jumbo, bước đầu đầu tư dây chuyền đạt công suất gần 350.000/năm. Kế hoạch trong quý 3/2016 sẽ hoàn thành đầu tư và đi vào hoạt động, mức sản lượng năm 2016 dự kiến cung cấp bằng một nửa công suất dây chuyền thiết bị đầu tư, phấn đấu khai thác tối đa công suất dây chuyền kể từ năm 2017 trở đi. Sau khi chiếm lĩnh được thị trường, sẽ tiếp tục đề xuất đầu tư bổ sung tăng khả năng cung cấp, phấn đấu đến năm 2018 sản xuất và tiêu thụ đạt khoảng 1.000.000 bao Jumbo/năm.

Nợ quá hạn đã được giải quyết: Những năm trước, Công ty có 2 khách hàng lớn, thường xuyên để số dư nợ và nợ quá hạn lớn là Tafico và Goodplast, tuy nhiên hết năm vừa qua, các khách hàng này đã thanh toán toàn bộ khoản nợ. Như vậy Công ty vẫn đảm bảo an toàn vốn và chưa phải trích lập rủi ro cho khách hàng nào.

Xuất khẩu tiếp tục tăng cao: Tính đến hết năm 2015, sản lượng xuất khẩu đã chiếm đến 36% trong tổng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty, vượt mức 29% của năm 2014. Năng lực xuất khẩu chứng minh được khả năng thích ứng của Công ty trong thời kỳ hội nhập, khẳng định chất lượng đáp ứng thị trường quốc tế, cho thấy Công ty đã có những bước tiến rõ rệt để đi đến những mục tiêu xa hơn, cao hơn là chiếm lĩnh thị phần trên thị trường quốc tế. Các sản phẩm hiện nay Công ty đang xuất khẩu là dòng bao túi xách siêu thị, bao nông sản, vải manh. Năm 2016 Công ty tiếp tục đặt mục tiêu vươn rộng ra thị trường xuất khẩu, ngoài sản phẩm truyền thống đầy mạnh xuất khẩu túi siêu thị và hướng đến những dòng sản phẩm cao cấp hơn.

Điều chuyển nhân sự quản lý, tuyển dụng để chọn lọc nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc. Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác sàng lọc nhân sự và bố trí phù hợp với năng lực. Mục tiêu hướng tới tạo được đội ngũ chuyên nghiệp để thích ứng với xu hướng hội nhập. Đặc biệt khuyến khích cơ chế khen thưởng cho các vị trí đầu tàu, các vị trí then chốt quyết định đến giá trị thặng dư của doanh nghiệp. Các báo cáo của Ban điều hành về việc đáp ứng tiến độ sản xuất, yêu cầu kỹ thuật và mở rộng thị trường, tăng năng lực sản trong điều kiện giữ nguyên số lượng đội ngũ nhân sự quản lý, khối gián tiếp là những bằng chứng xác thực nhất cho thấy đã có sự sắp xếp hợp lý hơn trong quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động nghiên cứu đầu tư: Hoạt động này được đẩy mạnh nhằm tìm kiếm các cơ hội đầu tư mang lại lợi ích cho Công ty. Trong năm qua, cùng với quá trình phát triển thị trường, công tác nghiên cứu đầu tư đã đưa đến những lựa chọn mới trong chiến lược đầu tư, thay đổi kế hoạch đầu tư mở rộng năng lực sản xuất ở dòng bao nông sản sang dòng bao Jumbo nhằm tìm kiếm lợi nhuận cao hơn; đầu tư dây chuyền máy may phát triển dòng bao túi xách siêu thị nhằm gia tăng lợi nhuận; định hướng đầu tư dây chuyền sản xuất manh BOPP hướng đến sản phẩm cao cấp, sử dụng ít lao động và tạo ra giá trị gia tăng cao.

Tồn tại cần khắc phục

Thực tế Công ty đang phải đối diện với tình trạng nhiều loại sản phẩm, nhiều khách hàng nhỏ do đó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, lợi nhuận đóng góp trên mỗi đơn vị sản phẩm chưa đạt được như kỳ vọng. Hiện có khoảng 30% sản lượng là của những khách hàng không ổn định, khách hàng thường xuyên nhưng lại có số lượng đặt hàng nhỏ, nhiều chủng loại mặt hàng, sản phẩm có quy cách khác nhau. Việc này làm giảm tính chủ động trong việc chuẩn bị nguyên vật liệu, đặc biệt ảnh hưởng đến sự ổn định lao động để bố trí công việc. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển thị trường nên chấp nhận những đơn hàng nhỏ để chọn lọc, hướng đến sự ổn định. Kể từ năm 2016, đối với dòng sản phẩm truyền thống, Công ty chú trọng đến việc ổn định được nhu cầu đặt hàng, lấy được các đơn hàng lớn để tạo sự chủ động trong việc bố trí nguồn lực sản xuất, đồng thời gia tăng hiệu quả sản xuất. Một trong những lý do thay đổi mục tiêu đầu tư từ bao truyền thống sang bao Jumbo cũng nhằm tìm cơ hội hợp tác với những khách hàng lớn và ổn định. Đối với việc mở rộng sản xuất, hướng đến dòng sản phẩm cao cấp, dây chuyền thiết bị hiện đại, sử dụng ít lao động để hạn chế những ảnh hưởng do sự biến động lao động. Dự án BOPP Công ty đang tích cực nghiên cứu BOPP nhằm đi theo định hướng nêu trên





Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh các tháng thông qua các báo cáo quản trị tháng; báo cáo tài các tháng, quý và năm; báo cáo giám sát của Ban kiểm soát gửi HĐQT hàng tháng. Qua đó, Hội đồng quản trị đánh giá:

- Ban Giám đốc đã triển khai hoàn thành các chỉ đạo của HĐQT, điều hành các mặt của Công ty một cách hiệu quả, đảm bảo lương, thưởng cán bộ, công nhân viên; đã thực hiện việc quản lý công ty theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ công ty, quy chế và quy định có liên quan.
- Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực lãnh đạo; am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách.
- Giám đốc đã phân công phân nhiệm rõ ràng cho các phó giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao các nhiệm vụ triển khai tiếp theo.
- Ban Giám đốc đã báo cáo, giải trình Hội đồng quản trị đầy đủ các nội dung yêu cầu theo định kỳ và đột xuất.
- Ban Giám đốc sát sao với thực tế diễn biến trên thị trường để điều hành linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch năm;
- Ban Giám đốc đã tích cực đề xuất các Dự án đầu tư để mở rộng sản xuất.
- Ban Giám đốc đã kịp thời ban hành các văn bản liên quan đến việc kiểm soát nội bộ để kiểm soát tốt hơn các hoạt động của Công ty; đã xây dựng hệ thống tích hợp ISO 9001:2008; ISO 14001: 2004; OSHAS 18001: 2007; qua đó góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả và tăng niềm tin cho khách hàng, đối tác.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công ty đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Chỉ đạo thực hiện định hướng và nghiên cứu tiềm năng khả thi đầu tư sản xuất sản phẩm mới, đầu tư tăng năng lực sản xuất.
- Giám sát hoạt động điều hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Chỉ đạo triển khai và cập nhật Chiến lược phát triển Công ty.
- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

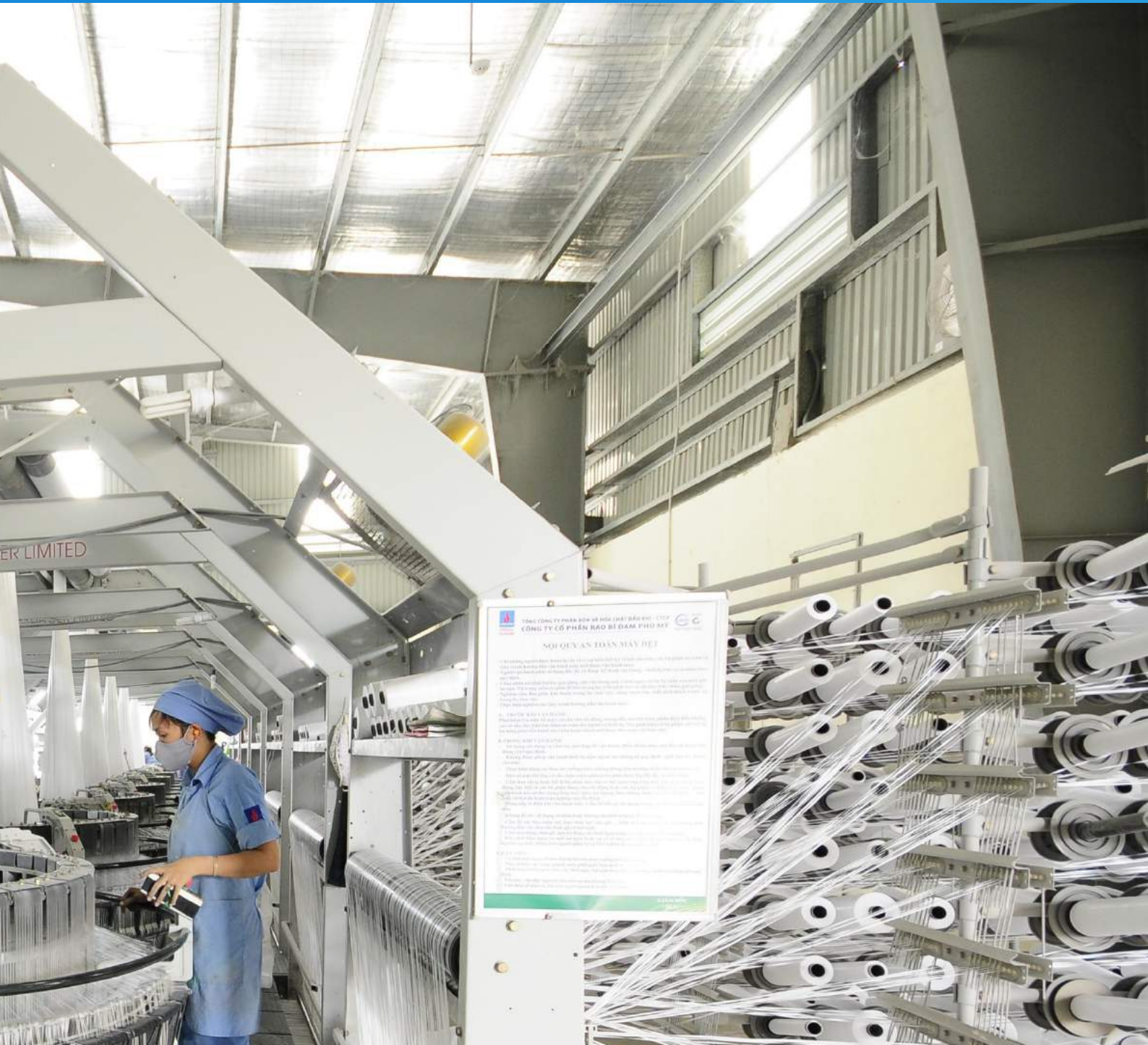


Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Hiến - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/10/1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 419/A13 Trương Công Định, Phường 3, Tp Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số CMND: 273248787 ; Nơi cấp: CA. BRVT ; Ngày cấp: 13/04/2004
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị - TV không điều hành
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1979 - 08/1981	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Nhân viên cơ yếu
Từ 09/1981 - 03/1984	Trường Cơ yếu Hà Nội	Học viên
Từ 04/1984 - 04/1985	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Cán bộ Cơ yếu
Từ 05/1985 - 12/1988	Văn phòng Huyện ủy Côn Đảo – Cán bộ Cơ yếu	Bí thư Chi đoàn
Từ 01/1989 - 10/1992	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo, Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Cán bộ Cơ yếu
Từ 11/1992 - 02/2003	Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Trưởng phòng Cơ yếu, Chi ủy viên Chi bộ tổng hợp
Từ 03/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 04/2008 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 208.280 cổ phần; chiếm 4,96% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Ông Trần Anh Tú – TV HĐQT

Xem Phần Tổ chức và nhân sự - Ông Trần Anh Tú – Giám đốc

Ông Lê Hồng Quân - TV HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 41/11 đường số 9, khu phố 4, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM.
- Số CMND: 025163995 do Công an TP HCM cấp ngày 19/05/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: TV Hội đồng quản trị Công ty - TV không điều hành
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1995 - 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Chuyên viên kế toán
Từ 04/2000 - 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán
Từ 02/2002 - 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 - 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 - 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 - 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009 - 04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	UV BCH Đảng bộ, Kế toán trưởng
Từ 4/2012 - nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 504.000 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 12% vốn điều lệ

- Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Ông Phạm Văn Quý – TV HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 326/1/1A Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, TpHCM.
- Số CMND: 024083663, ngày cấp 15/09/2007, tại: TpHCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: TV Hội đồng quản trị - TV không điều hành
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1995 - 1999	Công ty XNK thủy sản đông lạnh IV	Nhân viên kế toán
Từ 1999 - 04/2004	Công ty TNHH Ever Prime	Nhân viên kế toán
Từ 05/2004 - 2007	Nhà máy đạm Phú Mỹ trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nhân viên kế toán
Từ 2007 - 03/2012	Công ty CP Phân bón và Hoá chất Dầu Khí Đông Nam Bộ - Ủy viên HĐQT	Kế toán trưởng Công ty
Từ 04/2012 - 10/2013	CN Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tại Campuchia - Bí Thư Chi bộ	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh
Từ 10/2013 đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: 504.000 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 12% vốn điều lệ
- Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Bà Hồ Thị Minh Hòa - TV HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/10/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 19 Nguyễn Thiện Thuật, P.Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.
- Số CMND: 273061265 cấp tại Công an BR-VT ngày 04/04/2012
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thương mại
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: TV Hội đồng quản trị - TV không điều hành
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2003 – 3/2005	Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (OSC)	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
04/2005 – 01/2006	Công ty TNHH Hương Phong	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
02/2006 - 02/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Thư ký Giám đốc
03/2008 - 10/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
11/2008 - 03/2011	Công ty TNHH Hương Phong	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 03/2011 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 2009 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 280 cổ phần, chiếm 0,0067% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	01B/NQ-HĐQT	09/02/2015	Nghị quyết thông qua kế hoạch triển khai niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
2	02/NQ - HĐQT	09/02/2015	Phê duyệt hệ thống thang bảng lương 2015.
3	04/NQ - HĐQT	05/03/2015	Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2015.
4	05B/NQ - HĐQT	23/03/2015	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 1/2015.
5	08A/QĐ - HĐQT	18/04/2015	Quyết định thành lập Tổ thẩm định báo cáo khả thi Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo giai đoạn 3.
6	09/NQ- ĐHĐCĐ	14/04/2015	Nghị quyết phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2015
7	10A/NQ-ĐHĐCĐ	20/04/2015	Nghị quyết thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Đạm phú Mỹ.
8	13/NQ - HĐQT	05/05/2015	Nghị quyết áp dụng hạn mức công nợ phải thu quý 2/2015.
9	15/NQ - HĐQT	05/05/2015	Nghị quyết chấp thuận việc ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức 30 tỷ với Ngân hàng quân đội.
10	17/NQ - HĐQT	05/05/2015	Nghị quyết chấp thuận việc ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức 45 tỷ với VCB.
11	18/NQ - HĐQT	05/05/2015	Quyết định thông qua thời gian hoàn thiện hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty bao bì trên sở giao dịch chứng khoán.
12	19/QĐ - HĐQT	05/05/2015	Quyết định thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán.
13	21/QĐ - HĐQT	05/05/2015	Quyết định ban hành Quy trình công bố thông tin.

14	23/QĐ - HĐQT	05/05/2015	Quyết định ban hành Quy chế quản trị Công ty.
15	26/NQ - HĐQT	07/07/2015	Nghị quyết hợp HĐQT lần 2/2015.
16	30/NQ – HĐQT	07/07/2015	Nghị quyết phê duyệt giá chào sàn của cổ phiếu PMP tại phiên giao dịch đầu tiên.
17	32/NQ – HĐQT	09/10/2015	Nghị quyết phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Deloitte VN là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2015 của Công ty.
18	34/NQ – HĐQT	15/10/2015	Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh ký phụ lục Hợp đồng tín dụng từ mức 45 tỷ lên 70 tỷ.
19	35/NQ – HĐQT	15/10/2015	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 3/2015.
20	36/NQ – HĐQT	16/11/2015	Nghị quyết phê duyệt hạn mức công nợ phải thu quý 4/2015.
21	39/NQ – HĐQT	09/12/2015	Nghị quyết phê duyệt báo cáo khả thi Dự án Jumbo 3
22	40/QĐ-HĐQT	09/12/2015	Quyết định đầu tư Dự án Jumbo 3
23	41/QĐ-HĐQT	09/12/2015	Quyết định thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch đấu thầu, Hồ sơ mời thầu Dự án Jumbo 3.
24	43/NQ-HĐQT	11/12/2015	Nghị quyết thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu thuộc Dự án Jumbo 3.
25	44/NQ-HĐQT	11/12/2015	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án Jumbo 3.
26	46/NQ- HĐQT	16/12/2015	Nghị quyết thông qua Hồ sơ mời thầu gói thầu thiết bị Tạo sợi – Dệt thuộc Dự án Jumbo 3.
27	47/QĐ- HĐQT	16/12/2015	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu thiết bị Tạo sợi – Dệt thuộc Dự án Jumbo 3.
28	48/NQ-HĐQT	24/12/2015	Nghị quyết họp HĐQT lần 4 năm 2016.

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Không có.

Ban Kiểm soát

TV và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Chu Xuân Hải	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Oanh	TV Ban kiểm soát	0	0%
3	Phạm Văn Khánh	TV Ban kiểm soát	270	0,006%

Ông Chu Xuân Hải - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số 3 Ngách 40/30 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số CMND: 012321395
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
Từ 06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
Từ 07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng Doanh Nghiệp
Từ 06/2010 - 06/2011	Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
Từ 08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh nghiệp
Từ 10/2011 đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Bà NGUYỄN THỊ THU OANH - Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 20/10/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán: Cao Bằng
- Địa chỉ thường trú : 511/22 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM.
- Số CMND : 022464960 ngày cấp 03/04/2015 tại TP. HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1996 - 05/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
Từ 05/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
Từ 10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.000	43,34%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Ông PHẠM VĂN KHÁNH - Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nam Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 47 đường Phạm Thế Hiển, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Số CMND: 273510262, do Công an BR-VT cấp ngày 31/10/2009
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1986 – 08/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
Từ 09/1989 – 08/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
Từ 09/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
Từ 01/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
Từ 01/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
Từ 06/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp

12/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
Từ 05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán - Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có



Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015

- Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm. Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Ban Kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Trong năm 2015 Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp để xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát và thực hiện 01 cuộc kiểm tra giám sát thực địa tại đơn vị về hoạt động kinh doanh bao bì xuất khẩu.
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc và xây dựng đóng góp ý kiến về các vấn đề báo cáo khả thi và thủ tục triển khai của dự án đầu tư giai đoạn 03, hạn mức công nợ, nợ quá hạn, cơ cấu tài chính của Công ty.
- Hàng Tháng/Quý, Ban Kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, và đã có những kiến nghị kịp thời để nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán BCTC năm 2015.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2015 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

STT	Nội dung	Đvt	Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	TH/KH
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Sản lượng sản xuất dòng bao phân bón nông sản và xi măng	Tr. Bao	55	55,59	101%
1.2	Sản lượng sản xuất bao jumbo	Ng. Bao	80	101,86	127%
2	Sản lượng tiêu thụ				
2.1	Sản lượng tiêu thụ dòng bao phân bón nông sản và xi măng	Tr. Bao	55	55,19	100%
2.2	Sản lượng tiêu thụ bao jumbo	Ng. Bao	80	97,72	122%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,67	12,66	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,05	11,11	101%
5	Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%		26,5	
6	Lao động bình quân	Người	400	378	95%
7	Đầu tư và mua sắm	Tỷ đồng	39,62	6,26	15,8%

- Trong năm 2015 với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Nhìn chung, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định an toàn, thu nhập của người lao động ổn định.

- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Do cơ cấu lại sản phẩm đầu ra của dự án là sản xuất kinh doanh dòng bao jumbo thay cho việc sản xuất và kinh doanh dòng bao truyền thống nên dẫn đến chỉ tiêu đầu tư mua sắm không đạt so với kế hoạch được giao.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, BCTC phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng
1	Hội đồng quản trị	-	174.000.000	-
	Phạm Văn Hiến	-	48.000.000	-
	Trần Anh Tú	-	-	-
	Lê Hồng Quân	-	42.000.000	-
	Phạm Văn Quý	-	42.000.000	-
	Hồ Thị Minh Hòa	-	42.000.000	-
2	Ban kiểm soát	-	84.000.000	-
	Chu Xuân Hải	-	36.000.000	-
	Nguyễn Thị Thu Oanh	-	24.000.000	-
	Phạm Văn Khánh	-	24.000.000	-
3	Ban điều hành	1.632.685.736	-	108.854.000
	Trần Anh Tú	498.408.696	-	30.692.000
	Trương Đình Thanh	402.560.692	-	27.444.000
	Phạm Ngọc Thiệp	367.154.174	-	25.309.000
	Cao Vĩnh Hậu	364.562.174	-	25.409.000



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Cổ đông lớn	2.141.000	50,98%	1.820.300	43,34%	Bán Cp
2	Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn	2.058.000	49%	1.680.000	40%	Bán Cp
3	Phạm Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT	0	0%	208,280	4,96%	Mua Cp
4	Hồ Thị Minh Hòa	TV HĐQT	0	0%	280	0,007%	Mua Cp
5	Phạm Văn Khánh	TV BKS	0	0%	270	0,006%	Mua Cp
6	Trần Anh Tú	TV HĐQT, GD	0	0%	20,000	0,48%	Mua Cp
<i>Người có liên quan</i>							
	Trần Đăng Tuấn	Bố	0	0%	10,000	0,24%	Mua Cp
	Phạm Thị Thoan	Mẹ	0	0%	10,000	0,24%	Mua Cp
	Trần Hải Thanh	Em	0	0%	10,000	0,24%	Mua Cp
7	Trương Đình Thành	Phó GD	0	0%	5,000	0,12%	Mua Cp
<i>Người có liên quan</i>							
	Trương Đình Xuân	Em	0	0%	12,000	0,29%	Mua Cp
	Trương Tuấn Anh Minh	Con	0	0%	3,000	0,07%	Mua Cp
8	Phạm Ngọc Thiệp	Phó GD	0	0%	5,000	0,12%	Mua Cp
<i>Người có liên quan</i>							
	Nguyễn Thị May	Vợ	0	0%	5,000	0,12%	Mua Cp

9	Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng	0	0%	4,600	0,11%	Mua Cp
<i>Người có liên quan</i>							
	Đặng Thanh Thúy	Vợ	0	0%	5,000	0,12%	Mua Cp
	Cao Thị Mỹ Linh	Em	0	0%	3,000	0,07%	Mua Cp

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2015, Công ty không phát sinh các hợp đồng hoặc giao dịch mới với cổ đông nội bộ nhưng có duy trì Hợp đồng với Chi nhánh PVFCCo - Nhà máy Đạm hợp đồng gia công bao bì ký năm 2014, có hiệu lực đến năm 2016.



Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị

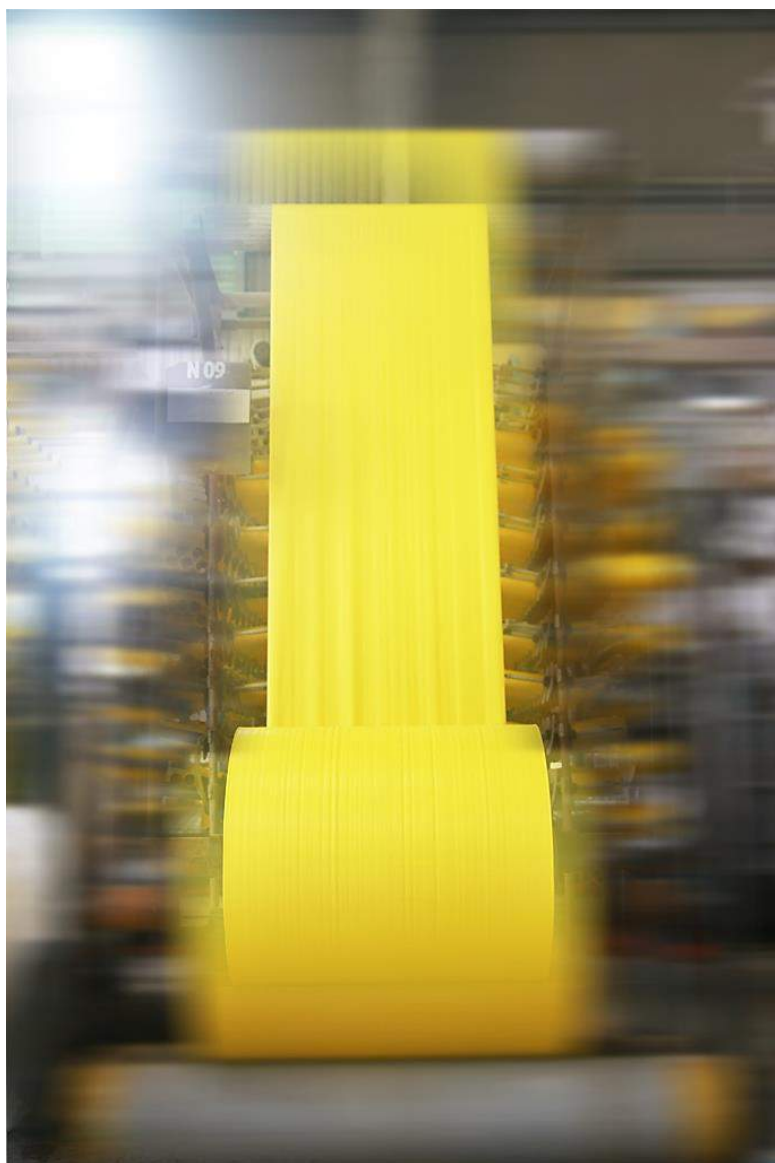
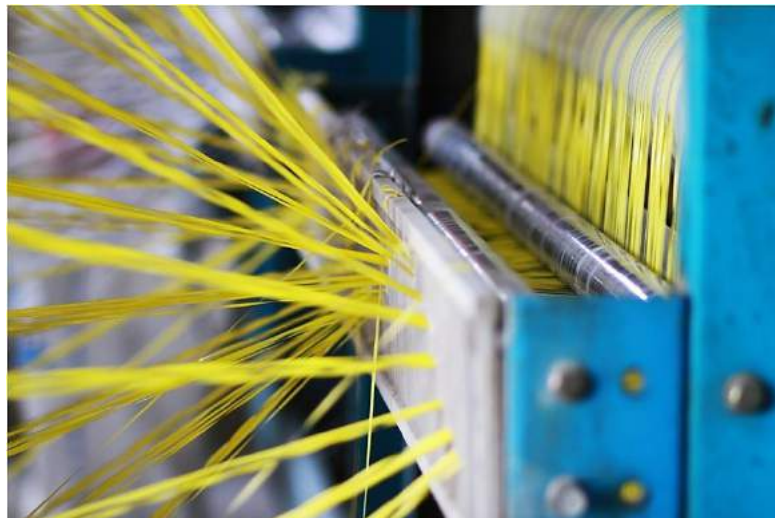
Trong năm 2015, nhân sự thành viên Hội đồng quản trị không thay đổi, gồm 5 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Trong đó 1 Chủ tịch HĐQT, 1 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành và 3 thành viên HĐQT. HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Các hoạt động của HĐQT năm 2015

Thực hiện vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2015, HĐQT đã tích cực hoạt động, bám sát tình hình sản xuất kinh doanh để kịp thời cho ý kiến chỉ đạo nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản để thảo luận và ra quyết định đối với các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt, cho ý kiến của HĐQT. Những nội dung chính được thông qua/chỉ đạo thực hiện như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty;
- Thông qua thủ tục đại chúng hóa Công ty, thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán và thực hiện các yêu cầu có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Thẩm định và phê duyệt báo cáo khả thi, kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu của Dự án 3 về đầu tư dây chuyền máy dệt nhỏ. Sau khi chuyển hướng đầu tư đã thẩm định lại Dự án, phê duyệt báo cáo khả thi, thông qua kế hoạch đấu thầu đối với Dự án đầu tư dây chuyền bao Jumbo gồm 3 máy Dệt và 1 máy Tạo sợi với tổng mức đầu tư không thay đổi.
- Rà soát hiệu chỉnh nội dung Điều lệ sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 thông qua; ban hành Quy chế quản trị Công ty;
- Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2015; tuân thủ đầy đủ các nội dung yêu cầu công bố thông tin đối với công ty đại chúng và tổ chức niêm yết; chia cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua.
- Phê duyệt hệ thống thang bảng lương năm 2015 của Công ty.
- Thông qua tỷ lệ hạn mức công nợ phải thu từng Quý.
- Chấp thuận việc Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức 70 tỷ với Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, hạn mức 30 tỷ với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội.
- Thông qua chiến lược phát triển Công ty cổ phần bao bì Đạm Phú Mỹ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030
- Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên báo cáo công tác xây dựng quy hoạch cán bộ nguồn, rà soát, bổ nhiệm, đào tạo đối với cán bộ nguồn thuộc diện quy hoạch.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu mô hình Công ty phát triển phù hợp với định hướng chiến lược phát triển Công ty từ đó đưa ra bộ máy cũng như cơ chế khuyến khích kinh doanh hợp lý trình Hội đồng quản trị quyết định.
- Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị thí nghiệm, kiểm tra chất lượng; xây dựng và đạt chứng nhận các chứng chỉ quốc tế liên quan đến đánh giá chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế.
- Chấp thuận lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015.
- Hoàn thành báo cáo quản trị công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước





Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.386.677.666	66.772.907.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.501.430.150	9.257.230.802
1. Tiền	111		4.501.430.150	730.564.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.526.666.667
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.694.044.645	39.124.005.467
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.093.164.085	38.097.261.462
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		742.781.088	790.712.933
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.858.099.472	236.031.072
III. Hàng tồn kho	140	8	35.712.587.633	17.488.643.696
1. Hàng tồn kho	141		35.712.587.633	17.488.643.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.478.615.238	903.027.296
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.478.615.238	680.263.831
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	222.763.465
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.116.343.537	42.635.770.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		40.221.868.095	40.665.847.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	40.221.868.095	40.665.847.300
- Nguyên giá	222		91.662.209.545	85.425.718.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.440.341.450)	(44.759.871.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	389.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(389.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		276.645.520	331.683.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		276.645.520	331.683.577
IV. Tài sản dài hạn khác	260		614.829.922	1.635.239.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		614.829.922	1.635.239.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		124.503.021.203	109.408.677.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.621.461.339	49.082.480.203
I. Nợ ngắn hạn	310		59.855.835.578	47.776.582.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	13.766.714.281	10.317.666.820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		591.273.454	961.449.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	716.339.860	572.753.412
4. Phải trả người lao động	314		5.110.435.300	4.787.767.024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.125.134.002	1.251.582.175
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.966.700	21.747.446
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.432.831.118	695.052.722
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	33.703.327.435	28.544.412.889
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.384.813.428	624.151.198
II. Nợ dài hạn	330		1.765.625.761	1.305.897.417
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	1.674.007.324	1.125.866.779
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		91.618.437	180.030.638
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.881.559.864	60.326.197.467
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	62.881.559.864	60.326.197.467
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.294.813.521	3.259.319.938
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.883.956.647	10.364.087.833
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		170.847.458	186.619.915
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.713.109.189	10.177.467.918
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		124.503.021.203	109.408.677.670



Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng



Trần Anh Tú
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015		Năm 2014 (Trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	294.832.481.955		228.494.154.060	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		39.373.576	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	294.832.481.955		228.454.780.484	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	253.215.984.891		190.702.469.172	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.616.497.064		37.752.311.312	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		670.302.817		687.222.454	
7. Chi phí tài chính	22		2.925.126.827		2.331.454.934	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.647.947.276		2.289.370.801	
8. Chi phí bán hàng	25	17	8.094.253.953		6.216.191.279	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	18.881.718.279		18.183.389.748	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.385.700.822		11.708.497.805	
11. Thu nhập khác	31		464.578.971		70.194.635	
12. Chi phí khác	32		187.173.506		37.610.394	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		277.405.465		32.584.241	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.663.106.287		11.741.082.046	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.549.997.098		1.563.614.128	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.113.109.189		10.177.467.918	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.249		2.181	


Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2016


Cao Vinh Hậu
Kế toán trưởngTrần Anh Tú
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.663.106.287	11.741.082.046
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.680.469.930	9.015.844.628
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(40.295.589)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(175.644.236)	(596.881.585)
Chi phí lãi vay	06	2.647.947.276	2.289.370.801
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.815.879.257	22.409.120.301
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.347.275.713)	1.388.460.520
(Tăng) hàng tồn kho	10	(18.223.943.937)	(1.854.697.555)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.130.574.479	(14.629.433.769)
Giảm chi phí trả trước	12	222.058.203	2.270.876.754
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.690.431.259)	(2.375.374.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.566.823.779)	(2.302.342.529)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.235.927.276	4.350.007.873
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.893.011.838)	(7.206.827.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.682.952.689	2.049.789.706
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.181.452.668)	(4.624.181.986)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	175.644.236	596.881.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.005.808.432)	(4.027.300.401)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	140.978.994.942	108.708.381.438
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(135.271.939.851)	(102.045.291.899)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.140.000.000)	(6.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.432.944.909)	363.089.539
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.755.800.652)	(1.614.421.156)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.257.230.802	10.871.651.958
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.501.430.150	9.257.230.802

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Cao Vinh Hậu
Kế toán trưởng



Trần Anh Tú
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 445 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 395).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vờ, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản này đã được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt của pháp luật.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2004) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	44.141.288	178.174.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.457.288.862	552.389.974
Các khoản tương đương tiền	-	8.526.666.667
	4.501.430.150	9.257.230.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky	13.556.245.902	2.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.061.506.000	1.835.945.100
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	4.456.522.800	3.914.556.000
Chi nhánh phía nam Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.049.400.000	7.539.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh	-	7.868.310.090
Goodplast United PTE Ltd	-	4.059.658.516
Các khách hàng khác	12.969.489.383	10.879.391.756
	38.093.164.085	38.097.261.462
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	10.518.028.800	5.750.501.100

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền mua cổ phần	1.054.186.900	-
Tạm ứng cho người lao động	1.063.942.551	96.524.800
Khác	739.970.021	139.506.272
	2.858.099.472	236.031.072
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	18.100.200	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.644.416.883	-	6.828.796.716	-
Công cụ, dụng cụ	171.214.227	-	135.671.313	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.449.446.201	-	7.604.701.157	-
Thành phẩm	2.414.511.253	-	2.904.346.061	-
Hàng hoá	14.898.869	-	15.128.449	-
Cộng	35.712.587.633	-	17.488.643.696	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.317.229.137	55.578.282.676	1.400.728.931	129.478.076	85.425.718.820
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.340.779.094	-	-	-	2.340.779.094
Mua sắm mới	-	3.895.711.631	-	-	3.895.711.631
Phân loại lại	-	(33.700.000)	33.700.000	-	-
Tại ngày 31/12/2015	30.658.008.231	59.440.294.307	1.434.428.931	129.478.076	91.662.209.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.752.074.563	34.970.144.746	908.174.135	129.478.076	44.759.871.520
Trích khấu hao trong năm	2.122.950.505	4.368.502.724	189.016.701	-	6.680.469.930
Phân loại lại	-	(6.518.410)	6.518.410	-	-
Tại ngày 31/12/2015	10.875.025.068	39.332.129.060	1.103.709.246	129.478.076	51.440.341.450
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	19.782.983.163	20.108.165.247	330.719.685	-	40.221.868.095
Tại ngày 31/12/2014	19.565.154.574	20.608.137.930	492.554.796	-	40.665.847.300

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31.376.867.591 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.943.781.553 đồng).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	1.758.350.000	1.758.350.000	2.067.500.000	2.067.500.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.508.923.900	1.508.923.900	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	824.003.400	824.003.400	1.172.113.250	1.172.113.250
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thái Anh	-	-	2.837.983.440	2.837.983.440
Các nhà cung cấp khác	9.675.436.981	9.675.436.981	4.240.070.130	4.240.070.130
	13.766.714.281	13.766.714.281	10.317.666.820	10.317.666.820
Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	343.925.000	343.925.000	351.533.727	351.533.727

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp 01/01/2015	Trong năm		Phải nộp 31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.718.710.477	4.589.765.825	128.944.652
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.082.063.578	9.082.063.578	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.064.292.151	1.064.292.151	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	512.251.932	1.549.997.098	1.566.823.779	495.425.251
Thuế thu nhập cá nhân	35.679.121	483.631.060	460.387.012	58.923.169
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.594.060	5.594.060	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	24.822.359	33.046.788	24.822.359	33.046.788
Các loại thuế khác	-	23.025.329	23.025.329	-
Cộng	572.753.412	16.964.360.541	16.820.774.093	716.339.860

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	23.116.322.053	23.116.322.053	124.757.420.617	115.038.062.411	32.835.680.259	32.835.680.259
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	5.308.574.700	5.308.574.700	4.461.660.225	9.770.234.925	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	11.759.914.100	9.218.259.600	2.541.654.500	2.541.654.500
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	1.245.382.915	-	1.245.382.915	-	-
Cộng	29.670.279.668	29.670.279.668	140.978.994.942	135.271.939.851	35.377.334.759	35.377.334.759

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 33.703.327.435

Số phải trả sau 12 tháng 1.674.007.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DPMP-HĐHM với hạn mức cho vay là 45 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tiền lãi phải trả từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29.593.488.261 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc, thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 996.315.498 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.245.876.500 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 58.15.553.895699.TD ngày 25 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng Thương mại TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, thời hạn cho vay tối đa đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC/bảo lãnh và chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng trong giai đoạn 2015-2016. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng TMCP Quân Đội; kỳ tính lãi sẽ được quy định trên từng văn bản nhận nợ. Khoản vay này không có thế chấp. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.541.654.500 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.568.184.674	1.780.041.966
Trong năm thứ hai	1.207.960.799	793.761.613
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	466.046.525	332.105.166
Sau năm năm	-	-
	3.242.191.998	2.905.908.745
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.568.184.674	1.780.041.966
Số phải trả sau 12 tháng	1.674.007.324	1.125.866.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	42.000.000.000	1.917.981.648	4.053.600.577	1.990.527.409	5.877.982.715	55.840.092.349
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.177.467.918	10.177.467.918
Kết chuyển nguồn đầu tư TSCĐ	-	2.784.808.048	(2.784.808.048)	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	(5.750.262.400)	(5.750.262.400)
Tặng khác	-	-	-	-	58.899.600	58.899.600
Số dư tại ngày 31/12/2014	42.000.000.000	4.702.789.696	1.268.792.529	1.990.527.409	10.364.087.833	60.326.197.467
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	1.990.527.409	(1.990.527.409)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	42.000.000.000	4.702.789.696	3.259.319.938	-	10.364.087.833	60.326.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.113.109.189	11.113.109.189
Trích lập các quỹ	-	-	2.035.493.583	-	(2.035.493.583)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.417.746.792)	(1.417.746.792)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	42.000.000.000	4.702.789.696	5.294.813.521	-	10.883.956.647	62.881.559.864

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.140.000.000 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã chia toàn bộ số cổ tức được phê duyệt cho các cổ đông. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2015 là 18% vốn điều lệ.

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	Giá trị VND	Giá trị VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21,410,000,000	50.98%	18,203,000,000	21,410,000,000
Công ty TNHH Hương Phong	20,580,000,000	49.00%	16,800,000,000	20,580,000,000
Ông Võ Ngọc Chuyên	10,000,000	0.02%	10,000,000	10,000,000
Các cổ đông khác	-	0.00%	6,987,000,000	-
	42,000,000,000	100%	42,000,000,000	42,000,000,000

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 16.

Trong năm, các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu không đáng kể.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	215.276.969.207	208.213.748.198
Doanh thu bán hàng hóa	77.831.458.532	19.361.061.772
Doanh thu khác	1.724.054.216	919.344.090
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.832.481.955	228.494.154.060
Giảm giá hàng bán	-	(39.373.576)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.832.481.955	228.454.780.484
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	85.526.545.290	75.017.089.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	176.294.315.450	170.702.122.532
Giá vốn bán hàng hóa	75.284.489.843	19.081.002.549
Giá vốn khác	1.637.179.598	919.344.091
	<u>253.215.984.891</u>	<u>190.702.469.172</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.075.996.139	144.434.380.691
Chi phí nhân công	11.680.684.382	32.308.278.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.680.469.930	9.015.844.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.104.094.003	23.528.486.078
Chi phí khác bằng tiền	1.591.445.678	5.063.912.813
	<u>214.132.690.132</u>	<u>214.350.902.737</u>

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.532.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.775.726.341	5.980.885.572
Chi phí bằng tiền khác	318.527.612	233.772.708
	<u>8.094.253.953</u>	<u>6.216.191.279</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.974.632.162	8.106.199.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	677.280.083	925.926.282
Chi phí khấu hao TSCĐ	675.622.508	791.891.656
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	7.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.268.174.551	6.851.808.740
Chi phí bằng tiền khác	1.282.008.975	1.500.164.058
	<u>18.881.718.279</u>	<u>18.183.389.748</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.663.106.287	11.741.082.046
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.064.413.057	1.430.363.442
Thu nhập chịu thuế	13.727.519.344	13.171.445.488
Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi	13.364.155.982	12.128.217.082
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	363.363.362	1.043.228.406
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.020.054.256	2.897.718.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	1.470.057.158	1.334.103.879
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.549.997.098	1.563.614.128

(*) Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2015 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.113.109.189	10.177.467.918
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(1.666.966.378)	(1.017.746.792)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.446.142.811	9.159.721.126
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.249	2.181

21. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.602.375.000	1.851.928.965

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.859.550.000	1.763.850.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.438.200.000	8.819.250.000
Sau năm năm	50.207.850.000	47.623.950.000
	59.505.600.000	58.207.050.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.377.334.759	29.670.279.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	9.257.230.802
Nợ thuần	30.875.904.609	20.413.048.866
Vốn chủ sở hữu	62.881.559.864	60.326.197.467
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,49	0,34

Các chính sách kế toán chủ yếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Phân loại lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.501.430.150	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.836.134.106	38.239.767.734
Tổng cộng	43.337.564.256	47.496.998.536
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.377.334.759	29.670.279.668
Phải trả người bán và phải trả khác	15.055.735.177	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.125.134.002	1.251.582.175
Tổng cộng	51.558.203.938	41.650.386.986

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 707.546.695 đồng (năm 2014: 593.405.593 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	200	(707.546.695)
VND	(200)	707.546.695
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(593.405.593)
VND	(200)	593.405.593

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	4.501.430.150	-	4.501.430.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.833.134.106	3.000.000	38.836.134.106
Tổng cộng	43.334.564.256	3.000.000	43.337.564.256
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	33.703.327.435	1.674.007.324	35.377.334.759
Phải trả người bán và phải trả khác	15.055.735.177	-	15.055.735.177
Chi phí phải trả	1.125.134.002	-	1.125.134.002
Tổng cộng	49.884.196.614	1.674.007.324	51.558.203.938
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.549.632.358)	(1.671.007.324)	(8.220.639.682)
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.257.230.802	-	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.236.767.734	3.000.000	38.239.767.734
Tổng cộng	47.493.998.536	3.000.000	47.496.998.536
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	28.544.412.889	1.125.866.779	29.670.279.668
Phải trả người bán và phải trả khác	10.728.525.143	-	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.251.582.175	-	1.251.582.175
Tổng cộng	40.524.520.207	1.125.866.779	41.650.386.986
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.969.478.329	(1.122.866.779)	5.846.611.550

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Đơn vị phụ thuộc của Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	848.868.744	818.715.700
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	51.214.995.100	54.771.810.388
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	32.564.208.700	18.194.303.130
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	87.700.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	313.560.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	84.600.000	-
Công ty TNHH Hương Phong	813.872.746	831.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.841.150	56.937.860
Công ty TNHH Hương Phong	2.208.535.000	731.550.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	4.456.522.800	3.914.556.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.061.506.000	1.835.945.100
	10.518.028.800	5.750.501.100
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	19.718.727
Công ty TNHH Hương Phong	343.925.000	331.815.000
	343.925.000	351.533.727

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1,741,539,736	1,393,203,538

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo giai đoạn 3 với tổng mức đầu tư là 26.540.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của Dự án là 240 ngày kể từ khi Dự án được phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 224.221.724 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chi tiêu	Mã số	Giá trị (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	Giá trị (VND)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Các khoản phải thu khác	135	139.506.272	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	236.031.072	Trình bày lại, đổi mã số và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	96.524.800	2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Trình bày lại, đổi mã số
3. Phải thu dài hạn khác	218	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	3.000.000	Trình bày lại, đổi mã số
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	331.683.577	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	331.683.577	Đổi mã số
5. Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	5. Tài sản dài hạn khác	268	-	Trình bày lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	28.544.412.889	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28.544.412.889	Đổi tên và đổi mã số
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	21.747.446	2. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.747.446	Đổi tên và đổi mã số
3. Vay và nợ dài hạn	334	1.125.866.779	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.125.866.779	Đổi tên và đổi mã số
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.268.792.529	4. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.259.319.938	Trình bày lại, đổi mã số
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.990.527.409	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	Trình bày lại, đổi mã số
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2423	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng



Trần Anh Tú
Giám đốc



**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Trần Anh Tú